

Số: 1375/ĐA-TĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: **KIỂM TOÁN (AUDITING)**
Mã ngành đào tạo: **7340302**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**
Khoa quản lý: **KẾ TOÁN**

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Trường Đại học Tôn Đức Thắng

1.1.1. Hoạt động đào tạo

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) thành lập theo Quyết định 787/TTg-QĐ ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Trường được Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh sáng lập, đầu tư và quản lý. Mục tiêu thành lập Trường trong giai đoạn đầu là: thực hiện Chương trình 17/TU và Chỉ thị 13 của thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho giai cấp công nhân thành phố; phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá; góp phần đào tạo nhân tài, nhân lực, thực hiện nghiên cứu để phục vụ hệ thống sản xuất, xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

Ngày 28/01/2003, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 18/2003/TTg-QĐ chuyển đổi pháp nhân và đổi tên Trường Đại học Công nghệ Dân lập Tôn Đức Thắng thành Trường Đại học Bán công Tôn Đức Thắng trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/6/2008, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 747/TTg-QĐ đổi tên Trường Đại học Bán công Tôn Đức Thắng thành Trường Đại học Tôn Đức Thắng và chuyển về thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Là trường đại học công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, với triết lý “Giáo dục khai phóng để phát triển con người toàn diện”, Trường Đại học Tôn Đức Thắng nỗ lực tiên phong trong đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo các chuẩn mực quốc tế. Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường học tập hiện đại, thúc đẩy sáng tạo

và tăng cường ứng dụng thực tiễn. Với việc không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã thiết lập quan hệ với nhiều trường đại học lớn của thế giới, là điểm đến lý tưởng cho sinh viên khát khao hội nhập và phát triển toàn diện.

Là một đại học đa ngành, Trường Đại học Tôn Đức Thắng hiện đang đào tạo 40 ngành/chuyên ngành trình độ đại học, 13 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 5 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Bảng 1.1):

Bảng 1.1: Thống kê quy mô đào tạo của Trường Đại học Tôn Đức Thắng năm 2024

Stt	Trình độ đào tạo	Số ngành/chuyên ngành	Quy mô (tính đến tháng 10/2024)	Số tốt nghiệp (tính đến tháng 10/2024)	Tỷ lệ có việc làm trong vòng 1 năm
1	Đại học	40 ngành	24.543	70.726	99% - 100%
2	Thạc sĩ	13 ngành	192	1.993	
3	Tiến sĩ	5 ngành	20	10	
	Tổng cộng		24.755	72.729	

Trên cơ sở chất lượng giáo dục và khoa học-công nghệ theo chuẩn quốc tế, nhiều trường đại học trên thế giới có nền giáo dục đại học phát triển đã công nhận kết quả đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và cùng Nhà trường liên kết đào tạo Đại học, Sau Đại học dưới nhiều hình thức.

Trong bối cảnh số lượng sinh viên Việt Nam đi du học ngày càng tăng đã cho thấy xu hướng tất yếu của việc mở các chương trình liên kết đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập với chất lượng cao ngay tại Việt Nam và đây là xu hướng chủ đạo trong các hoạt động hợp tác quốc tế. Tính đến năm 2024, Nhà trường đang triển khai 12 chương trình liên kết đào tạo bậc Đại học (cấp song bằng hoặc đơn bằng hình thức 3+1, 2.5+1.5, 2+2 hoặc 2+1.5). Tất cả các đối tác liên kết đều là các Trường có uy tín về chất lượng giáo dục tại các nước tiên tiến như Trường Đại học La Trobe (Úc), Trường Đại học West of England, Bristol (Anh), Trường Đại học Khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan), Trường Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc), Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (CH Séc), Trường Đại học Taylor's (Malaysia), Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp), Đại học Massey (New Zealand). Các ngành liên kết đào tạo đều là các ngành nghề có nhu cầu xã hội cao về nguồn nhân lực như Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện – điện tử, Kinh doanh quốc tế, Tài chính ngân hàng, Kế toán. Từ năm 2020 đến năm 2024, Trường đã đưa 233 sinh viên đi học chương trình liên kết đào tạo bậc đại học chính quy giai đoạn 02 ở nước ngoài.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phải đối mặt với những áp lực về tài chính, về yêu

cầu đảm bảo chất lượng, về sự đa dạng hóa đối với giáo dục đại học ngày càng tăng, sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường Việt Nam như trong khu vực và trên thế giới, Nhà trường luôn phải khẳng định được chất lượng đào tạo của mình, định vị thương hiệu của mình trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho thị trường lao động (trong nước cũng như trong khu vực). Chính vì vậy, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã chủ động lên kế hoạch và thực hiện công tác kiểm định theo các bộ tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như AUN-QA, FIBAA, ASIIN, HCERES. Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) vinh dự được Hội đồng Kiểm định và Chứng nhận của FIBAA (FIBAA Accreditation and Certificate Committee) quyết định công nhận và trao con dấu chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc tế. Thời hạn công nhận của quyết định là 06 năm (tính từ ngày 06/03/2024 đến ngày 05/3/2030). Từ năm 2019 đến nay, Trường đã có 44 chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học và sau đại học được công nhận đạt chuẩn quốc tế gồm 20 CTĐT đạt chuẩn AUN-QA (ASEAN Universities Network - Quality Assurance), 15 CTĐT đạt chuẩn FIBAA (Foundation for International Business Administration Accreditation) và 09 CTĐT đạt chuẩn ASIIN (Accreditation Agency for study Programmes in Engineering, Informatics, Computer Sciences Natural Sciences and Mathematics). Tất cả các CTĐT còn lại của Trường đều đã được rà soát, cập nhật và có kế hoạch kiểm định theo các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

Trải qua 28 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Tôn Đức Thắng không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Những thành tựu trên các bảng xếp hạng uy tín là minh chứng cho sự phát triển bền vững của Nhà trường. Theo THE (Times Higher Education) World University Rankings 2025, Trường Đại học Tôn Đức Thắng thuộc nhóm 601-800 đại học tốt nhất thế giới. TDTU được đánh giá trong TOP 200 của THE Asia University Rankings 2024, THE Young University Rankings 2024 và QS (Quacquarelli Symonds) Asia University Rankings 2025. Ngoài ra, với định hướng phát triển xanh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng còn đứng thứ 87/1476 toàn cầu theo UI GreenMetric 2024, ghi nhận về các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhằm hướng đến mục tiêu trở thành đại học nghiên cứu, Trường Đại học Tôn Đức Thắng không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, từng bước khẳng định uy tín trong cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế. Nhà trường đã ban hành chính sách phát triển khoa học – công nghệ theo hướng thực chất và bền vững, đồng thời

hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định theo đúng pháp luật về khoa học và công nghệ. Kết quả cụ thể như sau:

(1) Về hoạt động công bố quốc tế: Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã thành lập các viện và nhóm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế, tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu khoa học theo hướng phát triển bền vững. Tính đến nay, toàn Trường có 23 nhóm nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau thực hiện các nghiên cứu công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp. Trường thành lập 09 Nhóm nghiên cứu mạnh được dẫn dắt bởi các nhà khoa học có uy tín đang làm việc toàn thời gian tại Trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục thành lập và phát triển các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh ở các Khoa/Viện theo kế hoạch đã ban hành.

Tính đến tháng 02/2025, Trường Đại học Tôn Đức Thắng có hơn 13.000 công bố khoa học trên cơ sở dữ liệu WoS/Scopus, trong đó gần 65% được đăng trên các tạp chí thuộc nhóm Q1, Q2. Đặc biệt, theo Bảng xếp hạng Khoa học Liên ngành 2025 của Times Higher Education (THE), Trường Đại học Tôn Đức Thắng đứng thứ 95 thế giới và số 1 tại Việt Nam trong tổng số 749 cơ sở giáo dục được xếp hạng. Thành tựu này khẳng định vị thế tiên phong của Trường Đại học Tôn Đức Thắng trong nghiên cứu liên ngành, tạo ra các công trình mang tính đột phá, có giá trị khoa học và ứng dụng cao. Đồng thời, đây cũng là minh chứng cho cam kết của Nhà trường trong việc phát triển khoa học - công nghệ theo hướng bền vững và hội nhập quốc tế.

(2) Về thực hiện đề tài Khoa học công nghệ (KHCN): Trường Đại học Tôn Đức Thắng chú trọng phát triển nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thường xuyên kêu gọi đề xuất đề tài/dự án từ các tổ chức trong và ngoài nước. Hoạt động chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, đào tạo chuyên môn được triển khai theo nhu cầu của các đơn vị đối tác.

Giai đoạn 2020-2024, Trường Đại học Tôn Đức Thắng thực hiện 20 đề tài KHCN ở các cấp, gồm: 7 đề tài cấp Nhà nước (NAFOSTED), 5 đề tài cấp bộ, 8 đề tài cấp tỉnh/thành theo Chương trình quốc gia phát triển công nghệ tại Lâm Đồng, Bình Định, Bình Phước, An Giang, Gia Lai, Quảng Ngãi... Ngoài ra, giảng viên, nghiên cứu viên và các trung tâm KHCN của trường tích cực tìm kiếm tài trợ từ các tổ chức bên ngoài, với hơn 200 đề tài hợp tác ngoài trường, tổng giá trị trên 20 tỷ đồng, cùng 27 dự án quốc tế với kinh phí 11,7 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Tôn Đức Thắng cũng hỗ trợ giảng viên thực hiện nghiên cứu nội bộ. Trong giai đoạn 2020-2024, trường đã tài trợ 76 đề tài khoa học cấp cơ sở với tổng kinh phí gần 3 tỷ đồng, góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

(3) Về Tạp chí quốc tế: Trường Đại học Tôn Đức Thắng tiếp tục đẩy mạnh phát triển 02 tạp chí quốc tế, trong đó tạp chí Journal of Information and Telecommunication (JIT) đã được đưa vào cơ sở dữ liệu WoS, trong danh mục Emerging Sources Citation Index (ESCI, Q1) với chỉ số Impact Factor (IF) là 2.7, mục tiêu trong thời gian tới là ổn định trong cơ sở dữ liệu WoS và lộ trình thuộc danh mục SCIE; Tạp chí Journal of Advanced Engineering and Computation (JAEC) đã được Hội đồng Giáo sư Nhà nước ngành Cơ học tính 1 điểm, mục tiêu vào cơ sở dữ liệu Scopus.

(4) Về sáng chế: Trường Đại học Tôn Đức Thắng là một trong những trường đại học đầu tiên tại Việt Nam được Cục sáng chế và nhãn hiệu thương mại Hoa Kỳ (United States Patent and Trademark Office - USPTO) cấp Bằng sáng chế khoa học công nghệ, tính đến năm 2024, Nhà trường có 15 bằng sáng chế và nhãn hiệu thương mại Hoa Kỳ (USPTO); tính riêng trong 5 năm vừa qua, Nhà trường có 10 bằng sáng chế được cấp mới.

(5) Về Hội thảo quốc tế: Trường Đại học Tôn Đức Thắng luôn tích cực phối hợp với các đại học và tổ chức khoa học danh tiếng của nước ngoài tổ chức nhiều hội thảo quốc tế lớn, quan trọng. Tính đến nay, Trường đã tổ chức thành công trên 60 hội thảo quốc tế, riêng trong giai đoạn 2020-2024, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã tổ chức thành công 35 hội thảo quốc tế. Đến nay, nhiều hội thảo lớn do Trường khởi xướng và tổ chức đầu tiên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã trở thành Hội thảo quốc tế thường niên của ngành và được luân phiên tổ chức ở mỗi quốc gia khác nhau trên thế giới như Hội thảo AETA, CUTE, ICFE, AsiaPharm, ICAS..., kỹ yếu của hội thảo được đưa vào cơ sở dữ liệu WoS/Scopus.

(6) Về Nghiên cứu khoa học sinh viên: Trường Đại học Tôn Đức Thắng luôn chú trọng thúc đẩy nghiên cứu khoa học (NCKH) trong sinh viên. Giai đoạn 2020-2024, trường đã tài trợ 1.171 đề tài NCKH với sự tham gia của 3.168 sinh viên. Riêng năm 2024, có 1.047 sinh viên tham gia, với tổng kinh phí hỗ trợ hơn 4 tỷ đồng.

Các đề tài NCKH của sinh viên Trường Đại học Tôn Đức Thắng thường đạt thành tích cao tại các cuộc thi khoa học – công nghệ uy tín như Giải thưởng Sinh viên Nghiên cứu Khoa học cấp Bộ, Giải thưởng Eureka, Giải thưởng Nữ sinh Khoa học – Công nghệ.... Đặc biệt,

số lượng sinh viên bậc đại học và sau đại học có công bố trên WoS/Scopus tăng đều qua các năm, đến nay đã có 52 bài báo khoa học có sinh viên là tác giả/đồng tác giả.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Kế hoạch phát triển 05 năm lần thứ 4 giai đoạn 2025-2030 với mục tiêu tổng quát: "*Chuyển đổi mô hình Trường đại học thành Đại học vào năm 2030 và tiếp tục định hướng xây dựng đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế*". Trường cũng đã đề ra các mục tiêu chi tiết, cụ thể cho từng đơn vị, đặc biệt nhấn mạnh vào nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ. Vào ngày 04/12/2024, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã chính thức khai trương Văn phòng Viện Công nghệ Tiên tiến (IAST) tại Hà Nội. Đây là một sự kiện quan trọng, đánh dấu bước tiến mới trong việc mở rộng phạm vi hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên toàn quốc. Cột mốc này đặt viên gạch, nền móng đầu tiên để Trường Đại học Tôn Đức Thắng mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên phạm vi cả nước. Trong thời gian tới, Trường Đại học Tôn Đức Thắng sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp quan trọng như: xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho giảng viên và nghiên cứu viên nâng cao năng lực nghiên cứu, công bố các công trình khoa học có giá trị và đóng góp tích cực vào sự phát triển học thuật của Trường; đầu tư vào công nghệ và hạ tầng nghiên cứu, mở rộng hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu hiện đại, đảm bảo điều kiện tốt nhất để triển khai các đề tài và dự án KHCN; phát triển các lĩnh vực liên ngành tạo sự giao thoa và tích hợp giữa các lĩnh vực khoa học, từ đó tạo ra những nghiên cứu mang tính đột phá và đáp ứng các nhu cầu thực tiễn; tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh các mối quan hệ hợp tác chiến lược trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các đối tác toàn cầu, đồng thời mở rộng mạng lưới học thuật quốc tế; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh với việc ưu tiên xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu có năng lực và uy tín cao, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn của Trường. Với những định hướng và hành động chiến lược này không chỉ khẳng định vai trò tiên phong của Trường Đại học Tôn Đức Thắng trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam mà còn đặt nền tảng vững chắc để Trường tiến xa hơn trên bản đồ học thuật quốc tế góp phần hoàn thành sứ mạng "*Giáo dục, nghiên cứu và sáng tạo vì sự phát triển toàn diện của con người và xã hội*".

1.1.3. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế

1.1.3.1. Hợp tác doanh nghiệp

Công tác kết nối hợp tác với các tổ chức/doanh nghiệp trong và ngoài nước luôn được trường quan tâm và chú trọng nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng mục tiêu và công việc của đơn vị trực thuộc từng giai đoạn trong kế hoạch phát triển 5 năm và cụ thể trong từng năm học.

Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và cựu sinh viên là đơn vị chức năng của trường làm đầu mối để kết nối hợp tác với các tổ chức/doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; tổ chức nhiều hoạt động liên quan nhằm hỗ trợ, phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường và tổ chức/doanh nghiệp cũng như hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập và cơ hội việc làm phù hợp sau khi ra trường.

Đến nay, Nhà trường đã kết nối, hợp tác hơn 1000 tổ chức/doanh nghiệp, trong đó đã ký kết hợp tác toàn diện với 615 tổ chức/doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước và 05 địa phương (Bình Định, Gia Lai, Bình Thuận, Lâm Đồng và Quảng Ngãi), trong đó có 65% đơn vị là hoạt động về kinh doanh, 15% là cơ sở đào tạo, 10% đơn vị là sức khỏe, 15 đơn vị là nghiên cứu chuyên sâu và còn lại là các đơn vị là lĩnh vực khác. Các tổ chức/doanh nghiệp này đều có lĩnh vực hoạt động phù hợp với một hoặc nhiều ngành đào tạo của Nhà trường.

Các nội dung hợp tác chính với tổ chức/doanh nghiệp: Hỗ trợ sinh viên tham quan/thực tập chuyên đề/tập sự nghề nghiệp tại doanh nghiệp, tuyển dụng sinh viên, hỗ trợ Trường và Khoa về các chương trình.

1.1.3.2. Hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Tôn Đức Thắng được phát triển ngày càng đa dạng và chuyên nghiệp trong liên kết đào tạo, trao đổi học thuật và hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và thế giới đã nâng cao uy tín quốc tế và góp phần thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Nhà trường. Tính đến tháng 02/2025, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã thiết lập được quan hệ đối tác với hơn 230 đối tác Trường Đại học đến từ 34 quốc gia trên thế giới. Trong số các trường đối tác mới thiết lập quan hệ, có nhiều đối tác là các cơ sở giáo dục đại học thuộc Top 800 các đại học hàng đầu thế giới (theo bảng xếp hạng THE, QS). Đặc biệt, Trường Đại học Tôn Đức Thắng là thành viên sáng lập của Hiệp hội đại học quốc tế UCI với sự tham gia của 9 trường đại học uy tín trên thế giới, để cùng nhau xây dựng một mạng lưới các đại học thân hữu, gắn kết phát triển giáo dục và khoa học công nghệ theo hướng bền vững. Thông qua UCI, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã khẳng định được uy tín và vai trò của mình trong việc tập hợp, khởi xướng, và lãnh

đạo các hoạt động liên kết và hợp tác xuyên biên giới, góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu trong cộng đồng giáo dục quốc tế.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thúc đẩy việc triển khai các hoạt động hợp tác với đối tác có nội dung liên quan đến 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, nhằm thể hiện trách nhiệm cộng đồng cũng như thực hiện đúng tinh thần hội nhập quốc tế của Nhà trường.

Hằng năm, Nhà trường đón nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc và xúc tiến các chương trình hợp tác cụ thể trong nhiều lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; ký kết các thỏa thuận hợp tác mới nhằm mở rộng hợp tác, liên kết với nhiều tổ chức giáo dục, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hoạt động tuyển sinh sinh viên quốc tế đến học tập dài hạn hoặc trao đổi ngắn hạn tại trường góp phần tạo ra môi trường đa văn hóa, khuyến khích trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa và hiểu biết lẫn nhau.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng luôn quan tâm thực hiện đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế, đẩy mạnh hoạt động trao đổi học thuật nhằm tạo cơ hội cho cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học tiếp cận môi trường giáo dục và nghiên cứu quốc tế. Cụ thể, Nhà trường luôn quan tâm thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH thông qua ký kết bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài nhằm tạo hành lang pháp lý để triển khai các nội dung hợp tác; đưa mục tiêu hợp tác quốc tế vào nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm: (1) trao đổi giảng viên/nghiên cứu viên; (2) trao đổi sinh viên; (3) tổ chức/đồng tổ chức và tham dự hội thảo, hội nghị, diễn đàn khoa học quốc tế; (4) hợp tác nghiên cứu và công bố quốc tế; và (5) hợp tác thực hiện các dự án NCKH.

Hoạt động tuyển sinh sinh viên quốc tế đến học tập dài hạn hoặc trao đổi ngắn hạn tại trường với sự hợp tác song phương hoặc đa phương góp phần tạo ra môi trường trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa và sự hiểu biết lẫn nhau. Các hoạt động hợp tác quốc tế này bước đầu giúp cho sinh viên có thể dễ hòa nhập vào môi trường quốc tế, cũng như có những quan điểm rộng mở về một môi trường làm việc không biên giới trong thời đại hiện nay. Sự trao đổi đó giúp sinh viên thiết lập các mối quan hệ xã hội, nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cho nghề nghiệp trong tương lai.

1.1.4. Cơ sở vật chất và học liệu

Trường Đại học Tôn Đức Thắng có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH theo chuẩn mực quốc tế. Nhà trường có đầy đủ các phòng

học, phòng thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của người dạy và người học (Bảng 1.2).

Bảng 1.2: Thống kê cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	387	54.511,1
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	8	6.288
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	588
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	277,5
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	97	4.792,6
1.5	Số phòng học đa phương tiện	240	16.230
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	33	26.335
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	9.133
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	76	97.037
	Tổng	466	160.681,1

Cụ thể, Trường có tổng cộng 466 hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng học đa phương tiện, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập... với tổng diện tích sàn xây dựng trên 160.000 m². Các phòng học có quy mô và trang thiết bị khác nhau, phù hợp với từng loại môn học như các môn chung, các môn cơ sở, các môn chuyên ngành, tiếng Anh, tin học, v.v. Để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, hướng đến phát triển bền vững, Nhà trường đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại cho các khoa, trong đó có Khoa Kế toán. Cụ thể, Khoa Kế toán có phòng mô phỏng Kế toán và Kiểm toán doanh nghiệp được trang bị máy tính, các phần mềm văn phòng và đặc biệt là trang bị phần mềm kế toán và kiểm toán mô phỏng thực tế giúp người học thực hành đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp, v.v. Ngoài ra, sinh viên có thể tham gia kiến tập, thực tập các công việc liên quan đến công tác kế toán, thuế và kiểm toán tại các công ty, v.v.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng đầu tư Thư viện và nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ của Trường. Hiện nay, Thư viện đại

học của Trường gồm có: Thư viện truyền cảm hứng, Thư viện Trường Đại học Tôn Đức Thắng Phân hiệu Khánh Hòa. Không gian vật lý và không gian số của thư viện được bố trí kết hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, tăng khả năng tiếp cận của người học. Với diện tích khoảng 9.000 m² thiết kế theo mô hình “Không gian học tập chung - Learning commons”, không gian mở nên mọi nơi trong Thư viện đều được xem là không gian đọc, không phân chia phòng đọc. Thư viện có thể phục vụ đồng thời hơn 3.000 chỗ ngồi từ 7h30 sáng đến 20h00, có khu vực tự học qua đêm 24/7. Bên cạnh đó, Thư viện còn có trên 240 máy tính được kết nối mạng internet để phục vụ nhu cầu tra cứu và khai thác tài liệu của người sử dụng.

Thư viện có hệ thống phần mềm quản lý và các ứng dụng cũng như giải pháp có khả năng chia sẻ, dùng chung tài nguyên điện tử/số, cơ sở dữ liệu giữa các thư viện thành viên. Thư viện có hệ thống tra cứu mạnh mẽ với giao diện người dùng dễ sử dụng. Máy tìm kiếm (Search Engine) của Thư viện được tích hợp ngay tại trang chủ website Thư viện (<http://lib.tdtu.edu.vn/>) với hai ngôn ngữ hiển thị chính là tiếng Việt và tiếng Anh. Người sử dụng có thể tra cứu thông tin chi tiết của tất cả tài liệu trong Thư viện thông qua mục lục công cộng trực tuyến (OPAC), biết được vị trí, chính sách của từng tài liệu cụ thể và các điều kiện để có thể sử dụng tài liệu dạng in, tài liệu điện tử, tài liệu số. Nguồn tài nguyên của Thư viện được bổ sung và cập nhật liên tục hàng năm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của cộng đồng người sử dụng Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Tài liệu mới của Thư viện được cập nhật liên tục và xuất hiện trên hệ thống tra cứu trong vòng 24 giờ, bảo đảm người sử dụng có thể truy cập đến và sử dụng những tài liệu mới nhất. Nguồn tài nguyên Thư viện gồm 158,912 tài liệu được biên mục đầy đủ, người sử dụng Thư viện có thể truy cập thông qua hệ thống tra cứu của Thư viện đã được cấp phép. Người học cũng có thể truy cập vào 501 cơ sở dữ liệu, bao gồm cả những cơ sở dữ liệu truy cập mở (open access databases) và cơ sở dữ liệu đăng ký (subscribed databases) (Web of Science, MathSciNet, TVPL Pro X) được tích hợp vào một giao diện tìm kiếm chung, phục vụ học tập và nghiên cứu. Thông qua hệ thống quản lý tài nguyên khóa học và đội ngũ cán bộ tài nguyên làm việc trực tiếp với các Khoa, Thư viện cung cấp cho người học khả năng truy cập đến tài liệu phục vụ cho từng môn học gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, hệ thống bài tập, đề cương chi tiết, slide bài giảng và kênh thống kê tự động các số liệu sử dụng Thư viện để giảng viên giảng dạy chủ động theo dõi tình hình sinh viên khai thác tài nguyên khóa học.

Phục vụ cho mục tiêu chuyển đổi số trong dạy và học, Thư viện tiếp tục được đầu tư nhiều bộ sưu tập tài nguyên số và tài nguyên điện tử để đảm bảo người dạy và người học truy cập nguồn tài nguyên này mọi lúc mọi nơi một cách hiệu quả nhất. Tính đến tháng 8/2024, nguồn tài nguyên học thuật tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng có 682.320 tài liệu số/tài liệu điện tử từ nguồn mở, nguồn mua, nguồn số hóa và nguồn nội sinh, trong đó video bài giảng điện tử phục vụ trực tiếp cho các môn học do Trường Đại học Tôn Đức Thắng tự xây dựng có 349 video. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng hệ thống tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources-OER) và đưa ra phục vụ rộng rãi cho cộng đồng. Hệ thống này được phát triển và cập nhật liên tục về nguồn học liệu mở. Đến tháng 8/2024, bộ sưu tập OER do Trường Đại học Tôn Đức Thắng xây dựng có 4.778 tài liệu toàn văn/30 ngành cho giáo dục đại học. Ứng dụng tìm kiếm và khai thác tài nguyên giáo dục mở do Trường Đại học Tôn Đức Thắng xây dựng cho phép truy cập từ xa thông qua máy tính hoặc các thiết bị di động có kết nối internet, đáp ứng các nhu cầu đọc để mở mang kiến thức và hướng đến xã hội học tập suốt đời. Mức độ sử dụng tài liệu cho phép tuân theo Giấy phép truy cập mở quốc tế và các loại giấy phép truy cập mở của Creative Commons (<https://oer.tdtu.edu.vn/>).

Hiện tại, Thư viện đã trang bị 3.202 tài liệu (tiếng Việt và tiếng Anh) hỗ trợ các môn học cơ sở và cơ sở ngành thuộc CTĐT đề xuất mở ngành Kiểm toán.

1.2. Khoa Kế toán

1.2.1. Hoạt động đào tạo

Khoa Kế toán là một trong những khoa chủ lực của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, được thành lập ngay từ những ngày đầu (24/09/1997). Trải qua gần ba thập kỷ, Khoa Kế toán đã đạt được những bước tiến vượt bậc, không chỉ về quy mô mà còn về chất lượng các CTĐT. Khoa đã triển khai đào tạo với bốn CTĐT chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, bao gồm: chương trình tiêu chuẩn, chương trình tiên tiến, Chương trình đại học bằng tiếng Anh và Chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Tỉ lệ sinh viên Khoa Kế toán có việc làm sau một năm tốt nghiệp luôn duy trì ở mức ấn tượng, từ 99% đến 100%, khẳng định chất lượng đào tạo và sự công nhận từ thị trường lao động. Các CTĐT của Khoa cũng được kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc tế uy tín: chương trình đại học Kế toán đạt chuẩn AUN-QA, trong khi chương trình thạc sĩ Kế toán được công nhận bởi FIBAA. Hiện tại, Khoa Kế toán đã triển khai đào tạo ở cả ba trình độ: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

Với bề dày gần 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, Khoa Kế toán có nền tảng chuyên môn vững chắc, có đủ năng lực để xây dựng và triển khai CTĐT ngành Kiểm toán, chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích Dữ liệu. Chương trình này không chỉ kế thừa những giá trị cốt lõi từ ngành Kế toán, mà còn được cập nhật theo thực tiễn, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành vững vàng. Nhờ vậy, người học sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng cạnh tranh vượt trội, sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu khắt khe từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

1.2.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được Khoa Kế toán đặt lên hàng đầu, là nhiệm vụ cốt lõi gắn bó chặt chẽ với hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Khoa hiện duy trì một nhóm nghiên cứu được Nhà trường hỗ trợ tối đa về cơ chế và cơ sở vật chất, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu hiệu quả. Trong 5 năm qua, Khoa đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu khoa học. Trong đó, hoàn thành và nghiệm thu 4 đề tài cấp cơ sở, 51 bài báo khoa học công bố quốc tế (33 ISI/Scopus). Kết quả công bố khoa học của Khoa (Bảng 1.3).

Bảng 1.3: Thống kê các công bố khoa học tại Khoa Kế toán trong 5 năm gần nhất

Stt	Năm học	Số công bố quốc tế	Số bài báo chuẩn ISI/Scopus	Tỷ lệ công bố/giảng viên	Tỷ lệ bài (ISI, Scopus)/giảng viên
1	2018-2019	7	4	0.7	0.4
2	2019-2020	9	5	0.9	0.5
3	2020-2021	10	7	1	0.55
4	2021-2022	11	8	1.1	0.7
5	2023-2024	14	9	1.1	0.75
	Tổng cộng	51	33		

Để nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật và journal club hàng tháng (Bảng 1.4). Sinh hoạt học thuật là buổi báo cáo tập trung phân tích và chia sẻ các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong khoa. Journal club là hoạt động sinh hoạt khoa học, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu, giao lưu và trao đổi kỹ năng phương pháp nghiên cứu khoa học công nghệ từ các kết quả nghiên cứu mới nhất và kinh điển (tài liệu báo cáo tại Journal club là các bài báo khoa học quốc tế ISI/Scopus).

Bảng 1.4: Số buổi sinh hoạt học thuật và Journal club tại Khoa Kế toán

Stt	Năm học	Số buổi sinh hoạt học thuật	Số buổi Journal club
1	2020-2021	12	12

Stt	Năm học	Số buổi sinh hoạt học thuật	Số buổi Journal club
2	2021-2022	12	12
3	2022-2023	12	12
4	2023-2024	12	12
	Tổng cộng	36	36

Ngoài ra, hàng năm Khoa Kế toán tích cực triển khai công tác nghiên cứu khoa học sinh viên, và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả là số lượng nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tăng dần trong những năm gần đây. Cụ thể, khởi đầu từ 01 nhóm NCKH sinh viên trong năm học 2017-2018, đến nay ngành ngành Kế toán có tổng 7 nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trong năm học 2021-2022, 10 nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học năm học 2023-2024 (Bảng 1.5).

Bảng 1.5: Số lượng sinh viên Kế toán tham gia nghiên cứu khoa học

Stt	Năm học	Số nhóm NCKH sinh viên	Số sinh viên tham gia NCKH
1	2017-2018	1	3
2	2018-2019	1	3
3	2019-2020	2	6
4	2020-2021	5	15
5	2021-2022	7	21
6	2023-2024	10	29

Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Kế toán cũng rất đáng tự hào với nhiều giải thưởng như giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích cấp Trường. Đặc biệt, một số công trình tiêu biểu đã được đề cử tham gia giải EUREKA cấp Thành phố Hồ Chí Minh và tranh tài ở cấp Bộ. Trong năm học 2021-2022, sinh viên Khoa đạt 1 giải Nhì và 2 giải Khuyến khích cấp Bộ; đến năm học 2022-2023, Khoa tiếp tục ghi dấu với 2 giải Ba cấp Bộ. Những thành tựu này mở ra cơ hội lớn cho sinh viên ngành Kế toán và ngành Kiểm toán tương lai, khi các em có thể tham gia nghiên cứu cùng giảng viên hoặc hợp tác với sinh viên các ngành liên quan để khai phá tri thức, đồng thời xây dựng nền tảng vững vàng cho việc học lên các bậc học cao hơn.

Nhờ sự đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu khoa học, Khoa Kế toán đã ghi dấu ấn với nhiều công trình được công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao vị thế của Khoa mà còn tạo tiền đề để đào tạo những thế hệ chuyên gia chất lượng cao trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán.

1.2.3. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp và quốc tế

1.2.3.1. Hợp tác doanh nghiệp

Khoa Kế toán luôn chú trọng kết nối và triển khai ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với hơn 30 doanh nghiệp, trong đó có nhiều doanh nghiệp lớn ngành Kế toán - Kiểm toán (Bảng 1.6). Điểm nổi bật là các doanh nghiệp hợp tác với Khoa Kế toán hoạt động rộng khắp trên cả nước, trong nhiều lĩnh vực chính của ngành Kiểm toán. Sự đa dạng ngành nghề của các doanh nghiệp thân hữu của khoa Kế toán giúp sinh viên có cơ hội được tham quan thực tế tại các công ty Dịch vụ kế toán - Kiểm toán và tư vấn.

Cụ thể, Khoa đã và đang hợp tác với một số doanh nghiệp trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán như công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, Công ty TNHH Deloitte, Công ty TNHH Yakult Việt Nam, Công ty Ajinomoto Việt Nam, Công ty TNHH BDO Consulting, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt, Công ty TNHH Hoàng Gia Luật, Công ty Cổ phần Misa, Công ty phần mềm Fast, KPMG tại Việt Nam.

Bảng 1.6: Danh sách doanh nghiệp thân hữu ngành Kế toán - Kiểm toán hợp tác với Khoa Kế toán

STT	Doanh nghiệp	Loại hình doanh nghiệp		Năm ký kết hợp tác
		Trong nước	Liên doanh/ Nước ngoài	
1	Công ty TNHH BDO Consulting VN		x	2022
2	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C		x	2023
3	CP Misa - Văn phòng Đại diện tại Tp.HCM	x		2023
4	Hiệp hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	x		2023
5	Công ty CP Phần mềm quản lý DN (FAST) tại TP.HCM	x		2024
6	Công ty Kiểm toán KPMG		x	2024

STT	Doanh nghiệp	Loại hình doanh nghiệp		Năm ký kết hợp tác
		Trong nước	Liên doanh/ Nước ngoài	
7	Công ty TNHH Parker Russell Việt Nam		x	2025

Ngoài ra, Khoa có quan hệ thân hữu với Hội Kiểm toán hành nghề Việt Nam (VACPA), đây là cơ hội để sinh viên ngành Kiểm toán có cơ hội nhận được thông tin nghề nghiệp và vị trí việc làm trong quá trình học tập. Do vậy, sinh viên có kế hoạch học tập tốt để đáp ứng các yêu cầu của vị trí việc làm tương lai.

Vì vậy, kết quả hợp tác doanh nghiệp hiện nay tại Khoa Kế toán đảm bảo sinh viên ngành đào tạo mới Kiểm toán có nhiều thuận lợi tham gia thực tập, kiến tập, trau dồi kiến thức thực tiễn Kiểm toán và Phân tích dữ liệu tại các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, lực lượng chuyên gia và doanh nghiệp bên ngoài tham gia vào hoạt động đào tạo hiện nay tại khoa (góp ý xây dựng CTĐT, giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn đồ án môn học, hướng dẫn tốt nghiệp, v.v.) giúp sinh viên ngành Kiểm toán có cơ hội được tiếp cận nhiều kiến thức thực tiễn từ các chuyên gia doanh nghiệp.

1.2.3.2. Hợp tác quốc tế

Khoa Kế toán luôn chú trọng mở rộng hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên. Thông qua các chương trình hợp tác chiến lược với nhiều trường đại học và tổ chức nghề nghiệp uy tín trên thế giới, Khoa không ngừng cập nhật xu hướng kế toán - kiểm toán hiện đại, chuẩn hóa CTĐT theo tiêu chuẩn quốc tế. Về chứng nhận kiểm định quốc tế: Chương trình cử nhân Kế toán đạt chuẩn AUN-QA, được công nhận CTĐT tương đương của hiệp hội kế toán công chứng Úc (CPA Australia) và hiệp hội kế toán công chứng Anh và xứ Wales; Chương trình thạc sĩ được kiểm định bởi FIBAA, khẳng định chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế.

Khoa thường xuyên hợp tác với các chuyên gia, giảng viên quốc tế từ các trường đại học danh tiếng để tổ chức hội thảo, tọa đàm về xu hướng kế toán, kiểm toán và tài chính hiện đại. Giảng viên và sinh viên Khoa Kế toán đã có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí uy tín quốc tế, góp phần khẳng định vị thế của khoa trên bản đồ học thuật toàn cầu.

Để chuẩn bị cho việc mở ngành đào tạo Kiểm toán theo định hướng quốc tế, Khoa Kế toán đã ký hợp tác và làm việc với các đối tác như Đại học West of England Bristol, Hiệp hội nghề nghiệp nổi tiếng trên thế giới như Viện kế toán công chứng Anh và xứ Wales

(ICAEW); Nhằm tạo cơ hội kiến tập, thực tập và tiếp cận môi trường làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên, Khoa đã ký kết chương trình STAR với Công ty TNHH KPMG (Bảng 1.7).

Các hoạt động hợp tác thực hiện cụ thể bao gồm: (1) trao đổi giảng viên và nghiên cứu viên; (2) trao đổi sinh viên; (3) tham dự hoặc/hay đồng tổ chức hội thảo khoa học và workshops; (4) đồng công bố quốc tế; và (5) hợp tác thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học.

Cụ thể, trong 5 năm gần nhất, Khoa Kế toán đã tổ chức nhiều hội thảo quốc tế Hội thảo quốc tế về Quản trị tài chính và Kinh tế 2023, Hội thảo trực tuyến "Chương trình kiểm toán mẫu - Báo cáo tài chính", Hội thảo nghiên cứu khoa học "Scientific research in the fields of Accounting & Economics at the Age of Fourth Industrial Revolution, Hội Thảo: "How To Prepare Yourself In A Non-Stop Changing Era?", Hội thảo quốc tế về tài chính và kinh tế Lần thứ 5 (ICFE 2018), liên kết tổ chức Hội thảo quốc tế về tài chính và kinh tế Lần thứ 8 (ICFE 2024).

Ngoài ra, Khoa Kế toán tích cực thực hiện chương trình trao đổi sinh viên với nhiều đại học trên thế giới. Sinh viên khoa Kế toán có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi và thực tập tại nước ngoài, đặc biệt tại các quốc gia có hệ thống tài chính – kế toán phát triển như Anh, Singapore, Đài Loan v... Việc học tập và làm việc trong môi trường quốc tế giúp sinh viên nâng cao kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ và hội nhập thị trường lao động toàn cầu.

Bảng 1.7: Danh sách các đối tác quốc tế của Khoa Kế toán

STT	Đối tác hợp tác quốc tế	Quốc gia	Năm ký kết
1	Viện kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW)	Anh	2023
2	Công ty TNHH KPMG VN	Viet Nam	2023
3	Singapore Polytechnic (SP)	Singapore	2022
4	Đại học West of England (UWE)	Anh	2022

Trên cơ sở hợp tác quốc tế, trong 5 năm gần nhất, Khoa Kế toán đã tổ chức 4 hội thảo quốc tế (Bảng 1.8) gồm ICFE-2020, ICFE-2022 và ICFE-2024 "Hội thảo quốc tế Tài chính và Kinh tế", ICFME - 2023 "Hội thảo quốc tế về quản trị tài chính và kinh tế". Các hội thảo quốc tế này được Khoa Kế toán đồng tổ chức với một số Trường Đại học trên thế giới. Các chủ đề trình bày trong hội thảo này bao gồm nghiên cứu khoa học ngành Kinh tế gồm Kế toán, Kiểm toán và Tài chính.

Bảng 1.8: Danh sách Hội thảo quốc tế Khoa Kế toán tổ chức và đồng tổ chức

STT	Hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế Tài chính và Kinh tế - ICFE lần 6 - 2020.	Tháng 9/2020, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.	Trường Đại học Dongguk (Hàn Quốc), Đại học La Trobe (Úc), Trường Kinh doanh Montpellier (Pháp), Đại học Tomas Bata và Đại học Kinh tế và Kinh doanh Prague (Cộng hòa Séc), Đại học kỹ thuật Dresden (Đức) và Đại học Northeastern Illinois (Mỹ).	http://icfe2020.tdtu.edu.vn/
2	Hội thảo quốc tế Tài chính và Kinh tế -ICFE lần 7 – 2022.	Tháng 9/2022, Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Hiệp hội SMEI – Sales & Marketing Executives International (USA), Đại học Kinh tế và Kinh doanh Prague (Cộng hòa Séc), Trường Đại học kinh doanh Emlyon (France), Trường Đại học Dongguk (South Korea) và Trường Đại học Tomas Bata (Czech Republic), SMEI – Sales & Marketing Executives International (Hoa Kỳ).	https://icfe2022.tdtu.edu.vn/
3	Hội thảo quốc tế về quản trị tài chính và kinh tế - ICFME - 2023.	Tháng 7/2023, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.	Trường Đại học Michigan (USA); Đại học Tomas Bata (Czech Republic); Trường Đại học Queensland (Australia).	http://icfme2023.tdtu.edu.vn/
4	Hội thảo quốc tế Tài chính và Kinh tế - ICFE lần 8 – 2024.	Tháng 9/2024, Trường Đại học Tomas Bata University (Czech Republic).	Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Vietnam), Trường Đại học Kỹ thuật Ostrava (Czech Republic), Trường Đại học Southern Queensland (Australia), Trường Đại học Peradeniya (Sri Lanka), Trường Đại học Sunway (Malaysia), Trường kinh doanh Emlyon (France).	https://icfe2024.utb.cz/

Trong 5 năm qua, Khoa Kế toán triển khai thành công nhiều chương trình trao đổi sinh viên (Inbound, Outbound) với nhiều đại học trên thế giới (*Bảng 1.9*).

Bảng 1.9: Chương trình trao đổi sinh viên (Inbound, Outbound) với nước ngoài

STT	Năm học	Nội dung hợp tác (Inbound, Outbound)
1	2023-2024	Thu hút 03 SV Singapore Polytechnic (SP) đến giao lưu văn hóa với SV Khoa Kế Toán Thu hút 05 SV người Myanmar giao lưu văn hóa với SV Khoa Kế toán Khoa đã thực hiện cultural exchange với 46 sinh viên nước ngoài Khoa đã đưa 16 sinh viên đi học tập và giao lưu văn hóa tại Thái Lan 02 giảng viên tham gia sinh hoạt học thuật ở Đại học trường đại học Srinakharinwirot, Thái Lan
2	2022-2023	Đưa 51 SV tham gia chương trình giao lưu trực tuyến với Trường UMP, Malaysia Đưa 24 SV tham gia chương trình Global Virtual Skill do ICAEW tổ chức Thu hút 24 SVQT đến tham gia CT Global Talent – Global Career Thu hút 11 SV Thái Lan Đoàn Trường ĐH Rajapruk đến giao lưu Thu hút 05 SV Singapore đến thực tập 01 học kỳ
3	2021-2022	Đưa 04 sinh viên tham gia BDO Malaysia Đưa 06 sinh viên tham gia Business Challenge Đưa 93 sinh viên tham gia chuỗi workshop ICAEW Thu hút được 03 sinh viên người Lào, Australian, Japan tham gia giao lưu văn hóa với SV Khoa Kế toán
4	2020-2021	Đưa 198 sinh viên tham gia ICAEW Global Virtual Skills Conference Đưa 04 sinh viên tham gia Asia Virtual Exposure Series (AVES) Đưa 02 sinh viên ICAEW Business Challenge Đưa 17 sinh viên tham gia Global Culture Jam Program Thu hút 57 sinh viên tham gia Workshop series: “How to prepare yourself in a non- stop changing era?”

Việc hợp tác quốc tế sâu rộng của Khoa và Trường sẽ giúp người học ngành đào tạo Kiểm toán có cơ hội giao lưu, phát triển học tập và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học hàng đầu trên thế giới.

1.2.4. Cơ sở vật chất và học liệu

Hiện tại, Thư viện Nhà trường đã trang bị 8.821 học liệu, giáo trình (tiếng Việt và tiếng Anh) thuộc chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán và 38.920 học liệu, giáo trình chuyên ngành gần thuộc khối ngành kinh tế để đào tạo các môn học thuộc CTĐT đề xuất mở ngành

Kiểm toán. Ngoài ra, Thư viện cũng trang bị cơ sở dữ liệu để giúp người học có thể tra cứu tài liệu liên quan đến nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Vì vậy, người học ngành đào tạo mới ngành Kiểm toán sẽ có đầy đủ số lượng sách, giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, hướng đến phát triển bền vững, Nhà trường đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại cho các Khoa Kế toán. Cụ thể, phòng mô phỏng của Khoa Kế toán được trang bị máy tính và các phần mềm kế toán, kiểm toán để đáp ứng nhu cầu dạy thực hành và mô phỏng nghề nghiệp nhằm giúp cho sinh viên tiếp cận công việc thực tế sớm. Qua đó giúp cho sinh viên có được kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp nhằm rút ngắn thời gian thử việc sau khi ra trường. Các phần mềm được cập nhật liên tục theo xu hướng nghề nghiệp. Ngoài ra, sinh viên có thể tham gia kiến tập, thực tập các công việc liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán và tài chính tại các Công ty sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Từ đó giúp sinh viên có được trải nghiệm nghề nghiệp sớm hơn nhằm tích lũy được nhiều kiến thức về nghề nghiệp để phục vụ cho công việc sau khi ra trường.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO KIỂM TOÁN

2.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động

Ngày nay, ngành Kiểm toán đã và đang phát triển theo xu hướng phát triển về quy mô và chất lượng của doanh nghiệp. Đặc biệt trong thời đại kinh tế số, ngành Kiểm toán đòi hỏi nhiều kiến thức và kỹ năng hơn, trong đó kiến thức, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu là rất cần thiết.

Tại Việt Nam, nhu cầu lao động chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán và phân tích dữ liệu hiện đang thiếu. Do số lượng doanh nghiệp tăng mạnh qua các năm nên nhân sự trong lĩnh vực này cũng phải gia tăng để đáp ứng cho nhu cầu thị trường lao động. Phạm vi của kiểm toán rất rộng, gồm có những ngành nghề dịch vụ khác nhau như: Kiểm toán báo cáo tài chính, Kiểm toán tuân thủ, Kiểm toán hoạt động. Theo Quyết định 633/QĐ-TTg ngày 23/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 có mục “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán”, trong đó có nội dung như: Đổi mới nội dung; chương trình và phương pháp để nâng cao chất lượng đào tạo; bồi dưỡng nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán; kết hợp lý luận và thực tiễn, gắn liền với quy trình số hóa và chuyển đổi số về Kế

toán - Kiểm toán; Quan tâm đến đội ngũ nhân lực chất lượng cao về Kế toán - Kiểm toán, phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp, đơn vị kế toán và các tổ chức khác trong toàn bộ nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng, đến năm 2030 đạt số lượng 15.000 người được cấp chứng chỉ kiểm toán viên. Ngoài ra, trong quyết định cũng có đặt mục tiêu định hướng quy mô, số lượng các tổ chức cung cấp dịch vụ Kế toán - Kiểm toán phù hợp với yêu cầu thực tế thông qua việc hoàn thiện cơ chế và điều kiện hành nghề. Xác định đối tượng được kiểm toán thiết thực hiệu quả, đến năm 2025 đảm bảo 100% doanh nghiệp, đơn vị có quy mô lớn được kiểm toán báo cáo tài chính, không phân biệt loại hình hoạt động, hình thức sở hữu. Với những thông tin đáng chú ý trên, ngành Kiểm toán trong tương lai rất được chú trọng để phát triển.

Theo số liệu của Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán (Bộ Tài chính), tính đến ngày 27/4/2023, số lượng kiểm toán viên hành nghề đã được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán là 2.166 người, đăng ký hành nghề tại 214 doanh nghiệp kiểm toán. Trong khi đó, về lĩnh vực kế toán, tính đến ngày 28/04/2023, có trên 420 kế toán viên hành nghề đã được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và trên 200 doanh nghiệp dịch vụ kế toán đã được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán. Theo đánh giá chung của nhiều chuyên gia, chất lượng nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán hiện nay về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của các tổ chức, doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Nắm bắt được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán, nhiều cơ sở giáo dục đã nhanh chóng tham khảo các CTĐT ngành Kế toán, Kiểm toán của các trường đại học tiên tiến trên thế giới; ứng dụng các CTĐT chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế; đưa vào chương trình giảng dạy một số môn học của các tổ chức nghề nghiệp kế toán quốc tế. Tuy nhiên, sự kết hợp đa chuyên ngành thì chưa được nhiều trường đào tạo, đặc biệt là kiểm toán kết hợp với phân tích dữ liệu.

Theo diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), nhu cầu tuyển dụng nhân sự chuyên ngành phân tích dữ liệu đã tăng mạnh trong năm 2020, gấp 6 lần so với 5 năm trước. Trong 5 đến 10 năm tới, tỷ lệ này sẽ tiếp tăng do số lượng doanh nghiệp tăng nhanh. Thêm nữa, do số lượng doanh nghiệp tăng lên nên số lượng công ty kiểm toán cũng tăng, chính vì vậy nhu cầu nhân sự ngành Kiểm toán tăng theo nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các công ty kiểm toán (*Bảng 2.1*). Trong khi đó số lượng trường đào tạo ngành kiểm toán không nhiều.

Đặc biệt, nhu cầu nhân sự ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) vẫn còn thiếu. Chính vì vậy, ngành Kiểm toán cần được mở rộng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Bảng 2.1: Số lượng công ty ngành Kiểm toán

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng doanh nghiệp	654.633	714.755	758.610	811.538	857.551	922.724
Số lượng công ty Kiểm toán	282	285	303	314	326	339

Nguồn: Bộ tài chính 2023

Bảng 2.2: Số lượng nhân sự ngành kiểm toán

Năm	2000	2005	2010	2015	2022
Nhân sự kiểm toán	2.127	3.898	8.694	11.091	13.724
Kiểm toán viên hành nghề	487	870	1.264	1.797	2.308

Nguồn: Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài Chính và VACPA 2023

2.2. Kết quả khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực

Kết quả khảo sát được thực hiện bởi Khoa Kế toán – Trường Đại học Tôn Đức Thắng từ ngày 01/11/2023 đến ngày 15/12/2023 cho thấy, trong số 14 doanh nghiệp phản hồi khảo sát thì có đến 95% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân viên kiểm toán; kiểm soát; phân tích dữ liệu. Tỷ lệ công ty Dịch vụ Kế toán - Kiểm toán chiếm 21,4%, Công ty Kiểm toán chiếm 14,3%, Công ty dịch vụ kế toán chiếm 14,3%, còn lại là các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tài chính, thẩm định giá. Khảo sát cũng chỉ ra một số tồn tại chính (phần kiến thức và kỹ năng làm việc) của nhân viên Kiểm toán. Về kiến thức kế toán thì ở mức khá tốt và rất tốt chiếm đến 92,9%. Về kiến thức kiểm toán ở mức Khá tốt và rất tốt chiếm 71,4% và mức trung bình chiếm 28,6%. Các kiến thức khác như kiến thức kiểm toán nội bộ và kiểm soát, kiến thức phân tích dữ liệu, kiến thức kinh tế khá quan trọng, mức khá tốt và rất tốt có tỷ lệ không cao, thay vào đó là mức trung bình cao từ 28,6% đến 35,7%. Riêng về kiến thức phân tích dữ liệu thì mức hơi kém chiếm 7,1%. Như vậy, liên quan kiến thức về kiểm toán, kiểm soát và phân tích dữ liệu thì vẫn còn tỷ lệ khá cao nhân viên có mức độ trung bình (28,6%-35,7%), với mức độ này thì vẫn cần đào tạo thêm về chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu để gia tăng mức độ kiến thức về chuyên ngành trên (Bảng 2.3).

Về thái độ của nhân viên, theo bảng thống kê đa phần nhân viên có thái độ khá tốt và tốt. Riêng thái độ chấp nhận học hỏi, tỷ lệ trung bình cũng còn khá cao (14,3%). Xét về các

kỹ năng làm việc, thống kê cho thấy kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng sử dụng các phần mềm mức trung bình tương đối cao (35,7%). Do vậy, dựa vào phân tích từ kết quả khảo sát trên thì cần có CTĐT nhằm gia tăng các kỹ năng còn thiếu sót, đáp ứng nhu cầu cao hơn của các doanh nghiệp lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

Bảng 2.3: Đánh giá của nhà tuyển dụng đối với nhân viên Kiểm toán

STT	Kiến thức / Thái độ / Kỹ năng hiện tại của nhân viên Kế toán-Kiểm toán	Mức độ đánh giá (%)				
		Rất kém	Hơi kém	Trung bình	Khá tốt	Rất Tốt
I	Kiến thức					
1	Kiến thức kế toán			7,1%	85,7%	7,1%
2	Kiến thức kiểm toán			28,6%	64,3%	7,1%
3	Kiến thức về kiểm toán nội bộ và kiểm soát			35,7%	50%	14,3%
4	Kiến thức về phân tích dữ liệu		7,1%	28,6%	50%	14,3%
5	Kiến thức khác về kinh tế			50%	42,9%	7,1%
II	Thái độ					
1	Nhân viên sử dụng thời gian làm việc hiệu quả		7,1%	14,3%	57,1%	21,4%
2	Mức độ tận tụy trong công việc			7,1%	78,6%	14,3%
3	Trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp			7,1%	57,1%	35,7%
4	Mức độ chấp nhận học hỏi, cầu tiến			14,3%	57,1%	28,6%
III	Kỹ năng làm việc					
1	Kỹ năng ứng dụng công nghệ trong công tác kế toán-kiểm toán		14,3%	14,3%	57,1%	14,3%
2	Kỹ năng lãnh đạo của nhân viên		7,1%	35,7%	50%	7,1%
3	Kỹ năng sử dụng tin học văn phòng			7,1%	71,4%	21,4%
4	Kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán, kiểm toán và phân tích dữ liệu			35,7%	57,1%	7,1%
5	Kỹ năng giao tiếp			28,6%	50%	21,4%
6	Kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc			28,6%	57,1%	14,3%
7	Kỹ năng làm việc nhóm			21,4%	57,1%	21,4%
8	Kỹ năng trình bày		7,1%	42,9%	35,7%	14,3%
9	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ		14,3%	42,9%	21,4%	21,4%

Nguồn: Kết quả khảo sát

Nhà tuyển dụng đánh giá kiến thức và kỹ năng đối với nhân viên kiểm toán: Kết quả thống kê ở (Bảng 2.4) cho thấy yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nhân viên kiểm toán về kiến thức liên quan như kiến thức kiểm toán, kiến thức kiểm toán nội bộ, kiến thức kiểm soát và kiến thức phân tích dữ liệu, kết quả cho thấy trên 92,9% là cần thiết trở lên, trong đó mức rất cần thiết từ 35,7% đến 42,9%. Riêng về kiến thức phân tích dữ liệu, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ kỳ vọng rất cần thiết chiếm đến 42,9%. Về các kỹ năng làm việc

như: Kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp và tổng hợp; Kỹ năng trình bày và thuyết trình; Kỹ năng lãnh đạo, các doanh nghiệp cũng rất quan tâm và cho rằng các kỹ năng trên là cần thiết (92,9% - 100%).

Bảng 2.4: Các yêu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng đối với nhân viên Kiểm toán

STT	Kiến thức / Thái độ / Kỹ năng kỳ vọng của nhân viên Kế toán-Kiểm toán	Mức độ kỳ vọng (%)				
		Không cần thiết	Ít cần thiết	Cần thiết	Cần thiết nhiều	Rất cần thiết
I	Kiến thức					
1	Kiến thức và kỹ năng kiểm toán báo cáo tài chính			21,4%	35,7%	42,9%
2	Kiến thức và kỹ năng kiểm toán nội bộ		7,1%	21,4%	35,7%	35,7%
3	Kiến thức và kỹ năng kiểm soát		7,1%	42,9%	14,3%	35,7%
4	Kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu			35,7%	21,4%	42,9%
II	Kỹ năng làm việc					
1	Kỹ năng tổ chức, sắp xếp công việc		7,1%	28,6%	14,3%	50%
2	Kỹ năng làm việc nhóm			28,6%	21,4%	50%
3	Kỹ năng giao tiếp, thảo luận và tổng hợp			28,6%	7,1%	64,3%
4	Kỹ năng trình bày và thuyết trình		7,1%	21,4%	21,4%	50%
5	Kỹ năng lãnh đạo			50%	7,1%	42,9%
Kiến thức khác về lĩnh vực kinh tế						
1	Quản trị tài chính			85,7% (12/14)		
2	Quản trị dự án			64,3% (9/14)		
3	Quản trị nhân sự			64,3% (9/14)		
4	Quản trị sản xuất			42,9% (6/14)		
5	Marketing			42,9% (6/14)		
Kỹ năng khác						
1	Kỹ năng đàm phán			78,6% (11/14)		
2	Kỹ năng quản lý dự án			64,3% (9/14)		
3	Kỹ năng thuyết phục			92,9% (13/14)		
4	Kỹ năng tạo động lực			64,3% (9/14)		
5	Kỹ năng kết nối			85,7% (12/14)		

Đánh giá xu hướng phát triển ngành Kiểm toán: Hơn 90% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng ngành Kiểm toán là ngành phát triển trong tương lai. Thống kê theo Bảng 2.5 đánh giá xu hướng phát triển ngành Kiểm toán, chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu cho kết quả có 28,6% là phát triển rất mạnh, 42,9% phát triển mạnh, 21,4% phát triển

trung bình. Do vậy, tương lai gần ngành này vẫn đang rất cần tăng cường tổ chức đào tạo tại các cơ sở giáo dục đáp ứng đủ điều kiện đào tạo ngành Kiểm toán, chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu.

**Bảng 2.5: Đánh giá xu hướng phát triển ngành Kiểm toán
(chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)**

Số thứ tự	Xu hướng	Tỷ trọng
1	Phát triển rất mạnh	28,6%
2	Phát triển mạnh	42,9%
3	Phát triển trung bình	21,4%
4	Phát triển kém	7,1%
5	Chưa phát triển	0

Nguồn: Kết quả khảo sát

Khảo sát lý do lựa chọn ngành Kiểm toán thu thập được 1.085 phiếu từ người đã đi làm, cựu sinh viên, sinh viên và học sinh cho thấy họ quan tâm đến ngành này vì họ nghĩ rằng ngành này có mức thu nhập hấp dẫn (38,4% - 57,1%); dễ tìm kiếm việc làm (14,3% - 40,7%); theo sở thích (22% - 33,8%); còn lại là một số lý do khác,...

Bảng 2.6: Lý do lựa chọn ngành Kiểm toán

	Sinh viên	Cựu sinh viên	Người đi làm	Học sinh
Thu nhập hấp dẫn	45,7%	45,9%	57,1%	38,4%
Dễ tìm kiếm việc làm	40,7%	36,1%	14,3%	33,5%
Theo sở thích, đam mê	22%	26,2%	28,6%	33,8%
Lý do khác	0,4 - 25,9%	3,3 - 59%	28,6 - 42,9%	3,6 - 31,8%

Nguồn: Kết quả khảo sát

Bảng 2.7: Lựa chọn chuyên ngành Kiểm toán

	Sinh viên	Cựu sinh viên	Người đi làm	Trung bình
Ngành Kiểm toán - Chuyên ngành Kiểm toán và Kiểm soát quản trị	45,7%	31,1%	28,6%	35,1%
Ngành Kiểm toán - Chuyên ngành Kiểm soát và phân tích dữ liệu	18,6%	18%	28,6%	21,7%
Ngành Kiểm toán - Chuyên ngành Kiểm toán và phân tích dữ liệu	35,7%	50,8%	42,9%	43,1%

Nguồn: Kết quả khảo sát

Kết quả cho thấy tỷ lệ chọn ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) là cao nhất (43,1%), trong đó Cựu sinh viên và người đi làm lựa chọn khá cao (42,9% - 50,8%). Kết quả này cho thấy ngành Kiểm toán trong đó chương trình kết hợp Kiểm toán và Phân tích dữ liệu rất được quan tâm từ người lao động thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán.

Kết luận: Thông qua kết quả phân tích khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) từ các đối tượng được khảo sát cho thấy ngành này đang rất cần thiết để đào tạo nhằm bổ sung nguồn nhân lực trình độ cao cho nền kinh tế cả hiện tại lẫn tương lai. Chính vì vậy, Khoa Kế toán, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đề xuất mở ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) là phù hợp.

2.3. Phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới

Đối với các trường đại học ở Mỹ, Úc, và Châu Âu, đa số các trường có đào tạo ngành Kế toán và Kiểm toán. Tuy nhiên, ngành Kiểm toán gộp chung vào ngành Kế toán, có nghĩa nếu sinh viên ra trường có nguyện vọng làm Kiểm toán thì cần phải học chuyên sâu hơn về các môn thuộc ngành Kiểm toán trong chương trình. Ngoài ra, khi sinh viên ngành Kế toán ra trường, nếu làm ngành Kiểm toán hoặc Thuế, đều phải học qua các chứng chỉ như CPA, CPA Australia, ACCA. Xu thế của các trường đại học ở Mỹ, Úc và châu Âu là kết hợp ngành Kế toán với các ngành khác (joint emphasis) như ngành Tài chính (cử nhân Kế toán và Tài chính, Đại học London), ngành Hệ thống thông tin (Kế toán và Hệ thống thông tin, Boston College, California State University, Fullerton), ngành Khoa học dữ liệu (Kế toán + Khoa học dữ liệu, University of Illinois Urbana - Champaign).

Phân tích dữ liệu đã là xu thế ở các nước từ lâu và các trường trên thế giới ngoài mở các ngành kết hợp Kế toán và Phân tích dữ liệu, cũng có lồng ghép các lớp về phân tích dữ liệu trong CTĐT. Các lớp được lồng ghép bao gồm: Accounting Data Analytics (Phân tích dữ liệu kế toán), Accounting Analytics (Phân tích kế toán), Data Analytics for Accounting & Finance (Phân tích dữ liệu Kế toán và Tài chính), Accounting Analytics for Business Decision Making (Phân tích kế toán cho quyết định kinh doanh).

Đối với các trường đại học khu vực Châu Á, vẫn có trường đại học đào tạo về chuyên ngành Kiểm toán và có trường đào tạo lồng ghép giữa Kế toán và Phân tích dữ liệu. Phần lớn các trường đào tạo cử nhân Kế toán (Bachelor of Accounting) và lồng ghép các môn học về

ngành Kiểm toán vào CTĐT là xu hướng chính; hoặc lồng ghép các chứng chỉ nghề nghiệp như ACCA, ICAEW, CPA...

Về chuyên ngành Phân tích dữ liệu cũng được một số trường thiết kế CTĐT và cũng là xu hướng đào tạo mới của các trường, phần lớn đào tạo về Phân tích dữ liệu Tài chính, Kế toán và có lồng ghép nhiều môn học chuyên sâu về kinh tế lượng, phương pháp nghiên cứu số liệu.

Ngành Kiểm toán tại Việt Nam, một số các trường khu vực phía Bắc có đào tạo ngành Kiểm toán như: Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Thương mại. Các trường khu vực phía Nam có đào tạo ngành Kiểm toán là: Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Mở TP.HCM, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM. Các trường tiêu biểu khu vực miền Trung có Đại học Đà Nẵng đào tạo ngành Kiểm toán.

Dựa vào phân tích, xu hướng các trường đại học trên thế giới ngành Kế toán có lồng ghép chương trình Kiểm toán hoặc Phân tích dữ liệu vào CTĐT. Trong nước, các trường đại học khối ngành kinh tế, ngành Kiểm toán chưa được nhiều trường đào tạo. Thêm nữa, theo quyết định 633/QĐ-TTg ngày 23/5/2022 về Chiến lược kế toán, kiểm toán đến 2030 sẽ ban hành Luật kiểm toán, ngoài ra dựa trên phân tích từ kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu ngành Kiểm toán được các doanh nghiệp quan tâm nhiều trong những năm gần đây. Do vậy, việc mở ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) được xem là một lựa chọn đón đầu xu hướng trong khu vực và trong nước, tạo ra nhiều cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên.

Trên thế giới có nhiều trường đại học đang đào tạo ngành Kiểm toán, Phân tích dữ liệu lâu năm (Bảng 2.8) như Trường Đại học Texas State University (Mỹ), DePaul University (Mỹ), University of Zaragoza (Tây Ban Nha), University of Granada (Canada), v.v.

Bảng 2.8: Tổng hợp các trường đào tạo ngành Kiểm toán, Phân tích dữ liệu trên thế giới

STT	Trường đại học	Quốc gia	Thời gian đào tạo	Bằng đại học
1	Texas State University	Mỹ	4 năm	BSc
2	DePaul University	Mỹ	4 năm	BSc
3	University of Zaragoza	Tây Ban Nha	4 năm	BSc

STT	Trường đại học	Quốc gia	Thời gian đào tạo	Bằng đại học
4	University of Granada	Canada	4 năm	BSc
5	Nanyang Technological University	Singapore	4 năm	BSc
6	EDC Paris Business School	Pháp	4 năm	BSc

Tại Việt Nam, hiện nay đã có một số trường đại học đào tạo ngành Kiểm toán (*Bảng 2.9*). Hằng năm lượng sinh viên tốt nghiệp khoảng trên 900 sinh viên, tuy nhiên vẫn không thể đáp ứng nhu cầu lớn của thị trường lao động về nhân lực ngành Kiểm toán. Theo dự báo của Hiệp hội Kiểm toán Việt Nam (VAA), nhu cầu về nhân lực kiểm toán trong nước sẽ tăng lên khoảng 20% mỗi năm. Đây là một con số khá ấn tượng trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang có sự phát triển mạnh mẽ và hội nhập quốc tế. Ngành Kiểm toán cũng là một trong những ngành học có tính chọn lọc cao, do đó sinh viên tốt nghiệp ngành này sẽ có nhiều cơ hội việc làm và thăng tiến trong sự nghiệp.

Bảng 2.9: Tổng hợp một số trường đào tạo ngành Kiểm toán tại Việt Nam

STT	Trường đại học	Tỉnh, thành	Thời gian đào tạo	Bằng đại học
I	KHU VỰC MIỀN BẮC			
1	Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội	Hà Nội	4 năm	Cử nhân
2	Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội	Hà Nội	4 năm	Cử nhân
3	Học viện tài chính	Hà Nội	4 năm	Cử nhân
4	Học viện Ngân hàng	Hà Nội	4 năm	Cử nhân
II	KHU VỰC MIỀN NAM			
5	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	TP.HCM	4 năm	Cử nhân
6	Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM	TP.HCM	4 năm	Cử nhân
7	Trường Đại học Ngoại thương Tp.HCM	TP.HCM	4 năm	Cử nhân
8	Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM	TP.HCM	4 năm	Cử nhân
9	Trường Đại học Tài chính Marketing	TP.HCM	4 năm	Cử nhân

Để khắc phục sự thiếu hụt nguồn lao động ngành Kiểm toán, các công ty dịch vụ kiểm toán tuyển dụng ứng viên ngành Kế toán để đào tạo. Sau đó các ứng viên này tiếp tục học tập để thi chứng chỉ hành nghề kiểm toán. Chính vì vậy, việc phát triển ngành Kiểm toán nhằm bổ sung nhân lực chất lượng cao với chuyên môn Kiểm toán phù hợp với xu hướng phát triển chung ngành đào tạo trong nước và thế giới.

2.4. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Tôn Đức Thắng là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với các trình độ đào tạo đại học, sau đại học. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và thị trường lao động, các CTĐT của Trường được xây dựng và cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 3530/KH-TĐT ngày 18/10/2024 về việc Phát triển ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học đến năm 2030. Việc phát triển ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) trình độ đại học không những đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, mà còn hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển chung về ngành Kiểm toán trong nước và phù hợp với chuyên ngành đào tạo có lồng ghép giữa các ngành trên thế giới, phù hợp với sự phát triển đa ngành và trình độ đào tạo hiện nay của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường và của khoa Kế toán đã đề ra.

2.5. Khái quát chủ trương mở ngành đào tạo được Hội đồng Trường phê duyệt

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (sau đây gọi là Thông tư 02), Khoa Kế toán tiến hành khảo sát người học và nhu cầu thị trường từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024, làm cơ sở xây dựng hồ sơ chủ trương mở ngành đào tạo.

Nằm trong định hướng phát triển ngành của Khoa Kế toán, tại kỳ họp ngày 12/9/2024, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kế toán đề xuất thực hiện mở ngành đào tạo Kiểm toán và giao Bộ môn Kiểm toán thực hiện Đề xuất chủ trương mở ngành Kiểm toán theo đúng quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo của Thông tư 02.

Ngày 19/9/2024, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng ban hành Quyết định số 3102/QĐ-TĐT về việc thành lập Tổ xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo Kiểm toán. Trên cơ sở đó, Khoa Kế toán đã xây dựng hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo ngành Kiểm toán tuân thủ các quy định tại Điều 7 Thông tư 02. Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo gồm các nội dung chính: (1) Sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo; (2) Năng lực của cơ sở đào tạo; (3) Mục tiêu phát triển ngành đào tạo Kiểm toán; (4) Giải pháp và lộ trình thực hiện; và (5) Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro. Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Quyết định số

2103/QĐ-TĐT ngày 08/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc ban hành quy định hoạt động mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường. Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (HĐKHĐT) thông qua ngày 28/11/2024.

Nhà trường đã có tờ trình số 4292/TTr-TĐT ngày 18/12/2024 báo cáo Hội đồng trường về việc đề xuất chủ trương mở ngành Kiểm toán theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 12. Sau đó, tại kỳ họp ngày 26/12/2024, Hội đồng trường Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-HĐTĐHTĐT phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Kiểm toán, mã ngành 7340302 trình độ đại học.

Trên cơ sở chủ trương mở ngành Kiểm toán được phê duyệt, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng ban hành Quyết định số 4484/QĐ-TĐT ngày 31/12/2024 về việc thành lập Tổ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Kiểm toán. Tổ có nhiệm vụ tổ chức triển khai, xây dựng hồ sơ Đề án mở ngành Kiểm toán theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ CTĐT

3.1. Quá trình xây dựng CTĐT ngành Kiểm toán

Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Quyết định số 3364/QĐ-TĐT ngày 07/10/2024 về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT và Quyết định số 33/QĐ-TĐT ngày 03/01/2025 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Kiểm toán.

Hội đồng xây dựng CTĐT ngành Kiểm toán được thành lập gồm 07 thành viên. Cơ cấu thành viên Hội đồng xây dựng: 01 tiến sĩ ngành phù hợp, am hiểu về ngành Kiểm toán và đang tham gia công tác đào tạo tại Khoa Kế toán, là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT; 01 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp, là giảng viên cơ hữu, chủ trì giảng dạy CTĐT và 02 thạc sĩ có chuyên môn phù hợp, là giảng viên cơ hữu, có thâm niên giảng dạy. Ngoài ra, thành viên Hội đồng xây dựng có sự tham gia của các chuyên gia phát triển CTĐT (đại diện của Phòng Đại học); và chuyên gia bảo đảm chất lượng giáo dục đại học (đại diện Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng) của Nhà trường. Thành viên Hội đồng xây dựng còn có sự tham gia đại diện giới tuyển dụng lao động (Giám đốc Công ty dịch vụ Kiểm toán – Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán) là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành Kiểm toán, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc

làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo, để góp ý trong quá trình xây dựng CTĐT phù hợp với thực tiễn hành nghề Kiểm toán sau khi tốt nghiệp. Hội đồng xây dựng CTĐT đã thực hiện xây dựng CTĐT theo đúng các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 2104/QĐ-TĐT ngày 08/8/2022 của Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT.

Các bước thực hiện xây dựng CTĐT như sau:

Bước 1: Khảo sát, nhằm xác định nhu cầu nhân lực ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) của thị trường lao động; lấy ý kiến của các bên liên quan (người sử dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp, sinh viên đang theo học...) về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Bước 2: Xác định mục tiêu CTĐT Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu); xây dựng chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của CTĐT

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu), xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra; xác định các hoạt động ngoại khóa mang tính bắt buộc, đóng góp vào chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) với các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và thế giới để hoàn thiện CTĐT;

Bước 5: Xác định ma trận mức độ đóng góp các môn học hình thành chuẩn đầu ra;

Bước 6: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) đã xác định;

Bước 7: Tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý Khoa Kế toán và một số giảng viên đầu ngành Kiểm toán của các trường tại TP.HCM, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT;

Bước 8: Hoàn thiện dự thảo CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKHĐT) của Khoa Kế toán xem xét, tiến hành các thủ tục thẩm định, và được thông qua ngày 07/01/2025.

Ngày 17/01/2025, Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) đã tiến hành thẩm định CTĐT theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ cấu thành viên Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch (phó giáo sư), 01 Thư ký (tiến sĩ), 02 Ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau (01 phó giáo sư Đại học Kinh tế TP.HCM và 01 tiến sĩ Trường Đại học Tài chính - Marketing) và 01 Ủy viên Hội đồng là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động. Toàn bộ thành viên HĐĐTĐ là các phó Giáo sư, tiến sĩ có ngành phù hợp với CTĐT Kiểm toán. Đây là các chuyên gia am hiểu về ngành đào tạo Kiểm toán, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT.

Nội dung thẩm định CTĐT gồm: (1) căn cứ để xây dựng CTĐT; (2) mục tiêu của CTĐT và chuẩn đầu ra; cấu trúc chương trình đào tạo; (3) thời lượng của CTĐT; (4) nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước; đảm bảo đúng quy định của chuẩn CTĐT, phù hợp quy chế đào tạo và các quy định khác liên quan); (5) đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo) và các vấn đề khác (nếu có). Ngày 17/01/2025, Hội đồng thẩm định thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa các nội dung góp ý của HĐĐTĐ.

Trên cơ sở ý kiến phản biện, ngày 19/01/2025, Hội đồng xây dựng CTĐT đã họp để điều chỉnh CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định. Ngày 20/01/2025, HĐKHĐT Khoa Kế toán đã tiến hành họp, rà soát lần nữa, nhằm thống nhất các nội dung mà Hội đồng xây dựng CTĐT chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng thẩm định. Ngày 12/02/2025, Hội đồng xây dựng CTĐT đã hoàn thành việc điều chỉnh CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định và HĐKHĐT Khoa Kế toán.

Sau khi CTĐT đã được hoàn thành theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường, ngày 21/02/2025, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đã tiến hành họp xem xét thông qua CTĐT ngành Kiểm toán. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đã biểu quyết thông qua CTĐT ngành Kiểm toán. Căn cứ theo Biên bản họp thông qua CTĐT ngành Kiểm toán của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 579/QĐ-TĐT ngày 26/02/2025 về việc ban hành CTĐT ngành Kiểm toán (đính kèm CTĐT).

3.2. CTĐT ngành Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và phân tích dữ liệu)

CTĐT ngành Kiểm toán được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế; chú trọng việc triển khai cho sinh viên tiếp cận thực hành nghề nghiệp trong thời gian đào tạo. Các học phần trong chương trình được thiết kế từ cơ bản đến chuyên sâu, hiện đại, khoa học, bám sát nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động hiện nay. Nội dung và phương pháp giảng dạy hiện đại, liên tục đổi mới nhằm khuyến khích và phát huy tính sáng tạo của người học. Sinh viên có cơ hội tham gia các hội thảo quốc tế, các buổi làm việc nhóm với sinh viên quốc tế để phát triển năng lực của mình, tích lũy kinh nghiệm thực tế và tiếp cận với môi trường tuyển dụng, nhằm giúp người học nhanh chóng thích nghi với thực tế và có thể hành nghề quản lý dự án xây dựng ngay sau khi tốt nghiệp. Thông tin chung về ngành đào tạo như sau:

Tên ngành (Name of programme):

- Tên ngành tiếng Việt: Kiểm toán

(Chuyên ngành: Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)

- Tên ngành tiếng Anh: Auditing

Mã ngành (Programme code): 7340302

Văn bằng (Training degree): Cử nhân

Thời gian đào tạo (Training time): 4 năm

Hình thức đào tạo (Mode of study): Chính quy

Tiêu chí tuyển sinh (Admission criteria): Thí sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương đủ điều kiện nhập học theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh và thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Việc quản lý đào tạo thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường.

3.2.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra CTĐT

Từ 3-5 năm sau khi tốt nghiệp ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học đạt được các năng lực tại Bảng 3.1:

**Bảng 3.1: Mục tiêu đào tạo ngành Kiểm toán
(chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)**

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo (PEO)
1	PEO1: Trở thành chuyên viên trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Phân tích dữ liệu tài chính; đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo để có cơ hội trở thành thành viên của các tổ chức nghề nghiệp Kiểm toán, Kế toán trong nước và quốc tế.
2	PEO2: Có khả năng tính toán, phân tích, có tư duy phản biện độc lập các vấn đề kiểm toán, kế toán và tài chính theo xu hướng mới; vận dụng nền tảng kiến thức kế toán, kiểm toán và phân tích dữ liệu tài chính để phản biện và đóng góp vào sự phát triển chung của ngành.
3	PEO3: Có khả năng nghiên cứu khoa học, có định hướng nghiên cứu gắn liền với thực tiễn ngành Kế toán, Kiểm toán và Phân tích dữ liệu tài chính.
4	PEO4: Thể hiện thái độ, ý thức, trách nhiệm, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự chủ trong công việc, có tinh thần khởi nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

Sau khi hoàn thành CTĐT Cử nhân Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học phải đạt được chuẩn đầu ra (Bảng 3.2) như sau:

**Bảng 3.2: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kiểm toán
(chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)**

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra	Thang đo
1	Kiến thức cơ bản	PLO1: Vận dụng (Apply) kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, xã hội, kinh tế trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn ở Việt Nam	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO1 trong CTĐT Có chứng chỉ GDQP
2	Kiến thức chuyên môn	PLO2: Áp dụng (Apply) kiến thức về kiểm toán, kế toán, thuế phục vụ cho quá trình tác nghiệp và ra quyết định của doanh nghiệp.	Có chứng chỉ GDQP

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra	Thang đo
		PLO3: Vận dụng (Utilize) kiến thức phân tích dữ liệu tài chính (Data Financial Analytic) để phục vụ cho công tác chuyên môn trong ngành kiểm toán, các hoạt động kiểm soát trong doanh nghiệp và ra quyết định tài chính.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO2, PLO3 trong CTĐT
3	Kỹ năng chuyên môn	PLO4: Kiểm toán (Auditing) báo cáo tài chính, kiểm toán nội bộ công ty; PLO5: Phân tích (Analysis) dữ liệu tài chính nhằm đưa ra các quyết định tài chính liên quan đến cá nhân, tổ chức; PLO6: Vận dụng (Apply) các phương pháp phân tích định lượng cơ bản và phương pháp phân tích dữ liệu trong kiểm toán, kế toán, tài chính để thực hiện công tác nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn doanh nghiệp.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO4, PLO5, PLO6 trong CTĐT Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn
4	Kỹ năng hỗ trợ	PLO7: Sử dụng (Use) tốt tiếng Anh nhằm đáp ứng khả năng hội nhập quốc tế và tin học tương đương trình độ quốc tế đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tế. PLO8: Áp dụng (Apply) hiệu quả các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, viết và trình bày, thuyết minh, thuyết trình, giải quyết vấn đề vào công việc kế toán, kiểm toán và tài chính thực tế tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 quốc tế (đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0) hoặc Có một trong các chứng chỉ: Chứng chỉ MOS1, MOS2 đạt 750 điểm; chứng chỉ ICDL (documents, spreadsheets) đạt 75% Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO8; tham gia và đạt các chuyên đề của học phần Kỹ năng phát triển bền vững trong CTĐT
5	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	PLO9: Hình thành (Order) tinh thần khởi nghiệp, ý thức học tập suốt đời qua việc tự học, tự nghiên cứu, và tham gia các công tác liên quan đến chuyên môn để phục vụ xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế. PLO10: Áp dụng (Apply) chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong việc thực hành công tác kiểm toán và phân tích dữ liệu.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO9, PLO10 trong CTĐT Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn Đạt điểm rèn luyện theo quy chế công tác học sinh sinh viên

3.2.2 Cấu trúc CTĐT

Cấu trúc CTĐT gồm 2 khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Bảng 3.3). Cụ thể, trong đó 38 tín chỉ bắt buộc của khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm các kiến thức về lý luận chính trị (11 tín chỉ), khoa học xã hội (2 tín chỉ), khoa học tự nhiên (7 tín chỉ), ngoại ngữ (10 tín chỉ), kỹ năng hỗ trợ (4 tín chỉ) và tin học (4 tín chỉ). Khối kiến thức này do các khoa liên quan được Nhà trường phân công chuyên trách giảng dạy các khối kiến thức giáo dục đại cương cho toàn bộ các ngành đào tạo tại Trường. Riêng Khoa Kế toán tập trung giảng dạy 95 tín chỉ của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các kiến thức cơ sở ngành (23 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành (61 tín chỉ), và kiến thức thực tập và tốt nghiệp (11 tín chỉ).

Bảng 3.3: Cấu trúc CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	38	0
Lý luận chính trị	11	11	0
Khoa học xã hội	2	2	0
Khoa học tự nhiên	7	7	0
Ngoại ngữ	10	10	0
Kỹ năng hỗ trợ	4	4	0
Giáo dục thể chất	0	0	0
Giáo dục quốc phòng	0	0	0
Tin học	4	4	0
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	74	21
Kiến thức cơ sở ngành	23	20	3
Kiến thức chuyên ngành	61	49	12
Khối kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp (tương đương) cử nhân	11	5	6
Tổng cộng cấp bằng cử nhân (bậc 6)	133	112	21

Chương trình Cử nhân ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) được thiết kế trong 4 năm học, chia thành 8 học kỳ. Từ học kỳ 3, sinh viên bắt đầu vào học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành với thời lượng thực hành thực tế chiếm hơn 30% tổng thời lượng đào tạo trong chương trình học. Ở học kỳ 8 sinh viên phải thực hiện các học phần tốt nghiệp gồm Khóa luận tốt nghiệp, Tập sự nghề nghiệp và thi Kỹ năng thực hành chuyên môn. Để được làm Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy 110 tín chỉ, đạt Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0, hoàn thành tất cả các học phần, Tập sự nghề nghiệp và Kỹ năng thực hành chuyên môn.

3.2.3. Điểm nổi trội của CTĐT

- CTĐT ngành Kiểm toán (chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế; chú trọng việc triển khai cho sinh viên tiếp cận thực hành nghề nghiệp trong thời gian đào tạo nhằm giúp người học nhanh chóng thích nghi với thực tế và có thể hành nghề Kiểm toán và Phân tích dữ liệu ngay sau khi tốt nghiệp.

- Sinh viên có cơ hội tham gia các hội thảo quốc tế, các buổi làm việc nhóm với sinh viên quốc tế để phát triển năng lực của mình, tích lũy kinh nghiệm thực tế và tiếp cận với môi trường tuyển dụng.

- Đa số môn học có tài liệu dạy học bằng tiếng Anh.

- CTĐT có tính liên thông với các chương trình Sau Đại học của Khoa.

3.2.4. Kiểm định CTĐT

Việc kiểm định CTĐT sẽ được thực hiện sau 05 năm kể từ năm đầu thực hiện tuyển sinh 2025. Quá trình này sẽ được thực hiện thường xuyên 05 năm một lần. Ngành Kiểm toán sẽ áp dụng hệ thống kiểm định CTĐT quốc tế như AUN-QA hoặc FIBAA. Với kinh nghiệm kiểm định thành công toàn bộ các CTĐT theo tiêu chuẩn quốc tế tại Khoa Kế toán trong thời gian qua, việc kiểm định CTĐT ngành Kiểm toán (dự kiến 2029-2030) sẽ thuận lợi, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành Kiểm toán đáp ứng theo chuẩn quốc tế, và phù hợp với chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

4.1.1. *Đội ngũ giảng viên khoa Kế toán*

Được thành lập năm 1997 (cùng với thời điểm thành lập Trường Đại học Tôn Đức Thắng), Khoa Kế toán liên tục phát triển và hiện có 3 Bộ môn, đào tạo bậc đại học, sau đại học. Đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo bao gồm 01 Phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 34 thạc sĩ và 02 cử nhân. Đây là lực lượng chuyên môn đáp ứng đầy đủ về lượng và chất để đáp ứng đào tạo các ngành tại khoa. Ngoài ra, Khoa Kế toán đã có kế hoạch tuyển dụng thêm lực lượng giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên để gia tăng nguồn lực đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển lực lượng giảng dạy tại Khoa trong thời gian tới. Sắp tới, theo đề án vị trí việc làm được Nhà trường phê duyệt, Khoa Kế toán đã có kế hoạch tuyển dụng thêm 8 giảng viên (riêng ngành Kiểm toán dự kiến tuyển thêm từ 3 đến 5 giảng viên cơ hữu), tốt nghiệp từ các trường trong nước và quốc tế về giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo mới theo quy định của Bộ, trong đó có ngành Kiểm toán.

4.1.2. *Điều kiện giảng viên ngành Kiểm toán*

Với đội ngũ giảng viên hiện có, Khoa Kế toán đã đáp ứng đầy đủ điều kiện mở ngành quy định Thông tư 02 và Thông tư 12 (*mục 1.1 - phụ lục 10 đính kèm*). Cụ thể, khoa đảm bảo có 1 tiến sĩ ngành phù hợp (Kiểm toán) là giảng viên cơ hữu, có kinh nghiệm giảng dạy đại học trên 3 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT. Bên cạnh đó, khoa cũng đảm bảo quy định có ít nhất 5 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy các thành phần của CTĐT.

Khoa Kế toán có đủ đội ngũ giảng viên, đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT ngành Kiểm toán bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng (*mục 1.1 - phụ lục 10 đính kèm*). Ngoài ra, khoa đã có kế hoạch ký hợp đồng thỉnh giảng với đội ngũ giảng viên chuyên ngành Kiểm toán đến từ các Trường Đại học khác. Giảng viên thỉnh giảng (tính theo mỗi năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT. Mỗi học phần của CTĐT có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm (*Mục 1.2 - phụ lục 10 đính kèm*)

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng thân hữu đến từ các trường đại học có uy tín tại TP.HCM (Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Mở TP.HCM, Trường Đại học Tài chính - Marketing, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM v.v.) giúp Khoa luôn đảm bảo lực lượng giảng viên đầy đủ, chất lượng để đảm nhiệm toàn bộ công tác giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành Kiểm toán.

Như vậy, đội ngũ giảng viên hiện có, Khoa Kế toán đã đảm bảo giảng dạy đầy đủ các học phần đào tạo trong toàn bộ CTĐT Kiểm toán theo quy định. Với dự kiến tuyển sinh năm đầu tiên với chỉ tiêu khoảng 50-70 chỉ tiêu, Khoa đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên đạt tỉ lệ 25 SV/GV quy đổi.

4.2. Kế hoạch và lộ trình phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quy mô tuyển sinh, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm (đến năm 2026), trong đó Khoa Kế toán có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên cho phù hợp định hướng phát triển của Khoa và Nhà trường. Bên cạnh các tiến sĩ tốt nghiệp trong nước, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng các giảng viên là các tiến sĩ chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán và ngành phù hợp được đào tạo ở nước ngoài, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, phù hợp với định hướng hội nhập quốc tế của Trường.

Ngoài ra, Khoa Kế toán sẽ tạo điều kiện để các giảng viên cơ hữu chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán và ngành gần trình độ thạc sĩ, học tiếp nghiên cứu sinh, để tạo nguồn giảng viên tại chỗ, nhằm đáp ứng yêu cầu của một giảng viên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng nói chung và Khoa Kế toán nói riêng.

Về nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, trong 02 năm đầu sau khi tuyển sinh, sinh viên mới chỉ học các môn cơ sở và môn cơ sở ngành, nên Khoa đáp ứng được nhu cầu về giảng viên dựa vào đội ngũ giảng viên hiện có. Cùng lúc đó, Khoa sẽ tiến hành tuyển dụng thêm các giảng viên cơ hữu khác có chuyên ngành Kiểm toán, Phân tích dữ liệu trình độ từ thạc sĩ trở lên để tập huấn và đào tạo thêm về nghiệp vụ sư phạm cũng như các yêu cầu về kiến thức kỹ năng khác như chuẩn tiếng Anh, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm,... nhằm đáp ứng yêu cầu của một giảng viên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng nói chung và Khoa Kế toán nói riêng. Cụ thể về kế hoạch tuyển dụng và đào tạo xem trong Bảng 4.1:

Bảng 4.1. Kế hoạch tuyển dụng và đào tạo giảng viên ngành Kiểm toán

STT	Năm tuyển dụng	Số lượng tuyển dụng (ThS/TS ngành/chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán, Phân tích dữ liệu)	Kế hoạch đào tạo
1	Năm thứ nhất sau khi tuyển sinh	02	- Nghiên cứu các quy định của Trường, Khoa (01 tháng) - Dự giờ, chuẩn bị bài, trợ giảng (06 tháng)
2	Năm thứ hai sau khi tuyển sinh	02	- Giảng thử cấp bộ môn, cấp Khoa: sau 03 tháng cấp bộ môn, sau 06 tháng cấp Khoa.
3	Năm thứ ba sau khi tuyển sinh	02	- Học đạt chứng chỉ sư phạm (nếu chưa có) (03 tháng) - Học đạt chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định của Trường sau 12 tháng.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**5.1. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu**

a. Theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 12, Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và giáo trình, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT (*mục 3.1, mục 3.2, mục 3.3 - Phụ lục 10 đính kèm*).

b. Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT Kiểm toán, phù hợp với quy mô đào tạo trình độ đại học. Cụ thể Nhà trường hiện có tổng cộng 8 phòng học lớn trên 200 chỗ, 6 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 3 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 97 phòng học từ dưới 50 chỗ; 240 phòng học đa phương tiện dành cho ngành Kiểm toán (*Bảng 1.2*). Số lượng phòng học dành cho ngành Kiểm toán (*mục 3.1 – Phụ lục 10*) đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất để giảng dạy toàn bộ các môn học lý thuyết.

Nhà trường đảm bảo đầy đủ phòng máy tính thực hành để giảng dạy các môn tin học trong Kiểm toán, thực hành kế toán, thực hành khai báo thuế trong toàn bộ CTĐT (*mục 3.3 phụ lục 10 đính kèm*). Ngoài ra, phòng mô phỏng thuộc Khoa Kế toán đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất (*mục 3.3 – phụ lục 10 đính kèm*), để sinh viên có thể học các môn thực hành mô

phòng (năm thứ 2 của CTĐT). Hiện Khoa Kế toán trang bị đầy đủ các máy tính, thiết bị internet, phần mềm mô phỏng kế toán, kiểm toán và thuê để sinh viên thực hành và trải nghiệm thực tế.

Nhà trường đã có hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ trong toàn trường, trong đó hệ thống quản lý hỗ trợ học tập (LMS) và hệ thống quản lý đào tạo đảm bảo việc triển khai CTĐT và tổ chức hoạt động đào tạo trong toàn trường. Nhà trường có đầy đủ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để có thể giảng dạy trực tuyến. Việc giảng dạy trực tuyến được thực hiện hệ thống E-learning (hỗ trợ quản lý dạy và học). Ngoài ra, Nhà trường đã có Quyết định số 3682/QĐ-TĐT ngày 29/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng quy định tổ chức đào tạo trực tuyến của CTĐT. Vì vậy, với cơ sở vật chất hiện có, có thể khẳng định Nhà trường đảm bảo việc học tập trực tuyến ngành Kiểm toán hiệu quả.

c. Trường đã có thỏa thuận hợp tác với hơn 615 doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước và Khoa Kế toán đã có hợp tác trên 20 doanh nghiệp. Tất cả các doanh nghiệp mà Trường và Khoa đã có các hợp tác thỏa thuận sẽ đảm bảo các cơ sở thực tập, thực hành thực tế cho CTĐT ngành Kiểm toán.

d. Như đã giới thiệu phần sơ lược về cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo tại phần 1, Nhà trường có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học (*mục 3.2 – phụ lục 10 đính kèm*); có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành Kiểm toán trình độ đào tạo đại học, phù hợp với quy mô đào tạo. Ngoài ra, Thư viện trường có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của toàn bộ giảng viên và sinh viên ngành Kiểm toán (*xem mục 1.1.4 Cơ sở vật chất và học liệu*).

e. Nhà trường có trang thông tin điện tử (<https://www.tdtu.edu.vn/>) đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Ngoài ra, các nội dung liên quan ngành Kiểm toán cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Khoa Kế toán (<https://aaf.tdtu.edu.vn/>).

Từ phân tích trên, cơ sở vật chất của Trường hiện đã đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành Kiểm toán trình độ đại học theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Kế hoạch và lộ trình phát triển cơ sở vật chất

Về cơ sở vật chất như phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, v.v. của Trường nói chung và Khoa Kế toán nói riêng hiện nay đã đủ năng lực cơ sở vật chất để triển khai đào tạo ngành Kiểm toán. Do đó, hoàn toàn có thể sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Trường và Khoa mà hiện tại không có nhu cầu đầu tư thêm.

Tuy nhiên, để đảm bảo nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, hằng năm Khoa Kế toán luôn tiến hành tập hợp ý kiến các bên liên quan để cập nhật các học liệu mới, bổ sung các phần mềm hỗ trợ thực hành, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Cụ thể, ngành Kiểm toán có một số yêu cầu về nâng cấp các phần mềm tin học chuyên ngành như: phần mềm MISA, FAST và phần mềm khai báo thuế.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Tổ chức bộ máy quản lý

Khoa Kế toán được Nhà trường giao xây dựng và quản lý chuyên môn ngành Kiểm toán. Bộ môn Kiểm toán được giao chuyên trách quản lý về mặt chuyên môn Kiểm toán và tổ chức thực hiện CTĐT.

Hiện nay, tổ chức bộ máy quản lý cấp Khoa Kế toán và Bộ môn Kiểm toán gồm 5 thành viên: Quản lý chung, Quản lý ngành và CTĐT, Thư ký quản lý CTĐT, trợ lý công tác giáo vụ và trợ lý công tác sinh viên (*mẫu 1.3 - phụ lục 10 đính kèm*)

6.2. Phân công nhiệm vụ và kế hoạch phát triển bộ máy quản lý

Trường phân công nhiệm vụ bộ máy quản lý ngành đào tạo Kiểm toán ở Khoa Kế toán. Từ năm học thứ 2, Bộ môn Kiểm toán sẽ đề xuất Nhà trường tuyển dụng thêm ít nhất 2 giảng viên cơ hữu là tiến sĩ, thạc sĩ ngành phù hợp hỗ trợ quản lý CTĐT và 01 chuyên viên giáo vụ và công tác sinh viên của ngành Kiểm toán.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo tình huống rủi ro

Theo dự báo kinh tế xã hội hiện nay, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn, lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao. Kinh tế xã hội ở Việt Nam cũng không tránh khỏi các ảnh hưởng của xu hướng chung của thế giới. Đặc biệt trong tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản và các lĩnh vực kinh doanh, hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng, kiến trúc cũng bị ảnh hưởng ít nhiều, đặc biệt nhu cầu nguồn nhân lực. Trong bối cảnh này, các tình huống rủi ro có thể gặp phải khi mở ngành đào tạo Du lịch gồm cạnh tranh trong tuyển sinh, nguồn tuyển sinh ít, khó khăn tuyển dụng thêm giảng viên đúng chuyên ngành Kiểm toán, chất lượng đào tạo chưa đảm bảo, sinh viên tốt nghiệp không có việc làm, sinh viên nghỉ học giữa chừng và đình chỉ hoạt động đào tạo.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng có thể mạnh là một trong các trường đại học trẻ, uy tín và có môi trường học tập chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, ngành Kiểm toán là ngành mới mở tại Trường, do đó người học có thể chưa có thông tin và chưa biết rõ ngành Kiểm toán mới tuyển tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Điều này có khả năng dẫn đến sự cạnh tranh với các trường đại học uy tín tại TP.HCM đã đào tạo ngành Kiểm toán nhiều năm qua, cũng như cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào mạng giáo dục (RMIT-Úc, v.v). Với tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm quản trị quốc tế, các cơ sở giáo dục nước ngoài tạo áp lực cạnh tranh rất lớn đến đại học công lập. Ngoài ra, nhiều trường đại học dân lập trong nước (Nguyễn Tất Thành, Hoa Sen, Văn Lang, Hutech, v.v), đẩy mạnh đầu tư vào giáo dục, phát triển ngành mới theo nhu cầu thị trường, trong đó có ngành Kiểm toán. Các trường dân lập có chính sách quảng bá tốt, vì vậy luôn thu hút lượng tuyển sinh lớn, gây rủi ro cao trong công tác tuyển sinh ngành đào tạo Kiểm toán tại Trường.

Hiện nay đội ngũ giảng viên chuyên ngành Kiểm toán khan hiếm. Tiến sĩ chuyên ngành Kiểm toán tốt nghiệp chủ yếu nghiệp từ các trường đại học lớn và số lượng tốt nghiệp tiến sĩ hàng năm rất ít. Vì vậy các trường cạnh tranh gay gắt với nhau để tuyển dụng đội ngũ giảng viên, do đó rủi ro cao khi đảm bảo duy trì tiêu chí đội ngũ giảng viên cơ hữu đúng chuyên ngành Kiểm toán để duy trì ngành đào tạo vừa mở. Ngoài ra, do khan hiếm nguồn giảng viên có chất lượng cao, nên việc phát triển quy mô đào tạo về sau gặp nhiều khó khăn.

Chất lượng đào tạo giữa các cơ sở đào tạo (công lập, dân lập, nước ngoài) rất khác nhau. Thực tế, phụ huynh cũng như học sinh khó đánh giá sự khác biệt về chất lượng đào tạo giữa các cơ sở đào tạo. Kết quả khảo sát chỉ ra thực tế nhiều doanh nghiệp than phiền việc phải đào tạo lại sinh viên sau tốt nghiệp cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Quá trình đào tạo ngành Kế toán đã được 27 năm tại Khoa Kế toán là ngành gần của ngành Kiểm toán cho thấy, vẫn còn học sinh không hiểu rõ ngành học khi chọn trường. Vì vậy, sau khi trúng tuyển đại học, sinh viên nảy sinh một số vướng mắc, và chưa hiểu rõ về ngành học, dẫn đến rủi ro sinh viên bỏ ngang quá trình học tập tại Trường. Mặt khác, tiếng Anh là rào cản lớn trong quá trình học tập của sinh viên, đặc biệt khối ngành kinh tế. Người học thường không đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra của Trường, dẫn đến khó đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn, thậm chí một số sinh viên buộc thôi học do đã quá hạn đào tạo.

Rủi ro cơ sở đào tạo buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo ngành mới mở bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 12 trong trường hợp không đảm bảo điều kiện duy trì ngành đào tạo. Trong quá trình đình chỉ và khắc phục, hoạt động đào tạo gặp nhiều khó khăn và gây xáo trộn công tác giảng dạy và học tập của sinh viên.

7.2. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

7.2.1. Giải pháp chung

Hằng năm Khoa Kế toán thường xuyên tổ chức các hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan, nhằm đánh giá và hiệu chỉnh CTĐT; rà soát mục tiêu và chỉ tiêu tuyển sinh để phù hợp với nhu cầu của xã hội; qua đó giảm thiểu các rủi ro trong quá trình thực hiện năm học, đồng thời chủ động đề xuất các giải pháp ứng phó rủi ro kịp thời.

7.2.2. Giải pháp cụ thể phòng ngừa và xử lý rủi ro

Để giảm thiểu rủi ro do tuyển sinh không đạt kế hoạch đề ra, Khoa Kế toán phối hợp với Ban truyền thông Nhà Trường sẽ đẩy mạnh công tác truyền thông trước tuyển sinh (từ tháng 02 đến tháng 7 hằng năm) trên nhiều kênh truyền thông khác nhau như truyền hình, báo chí, website, mạng xã hội, v.v. Ngoài ra, Trường đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh trực tiếp (đến tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, học sinh đến tham quan Trường), hay trực tuyến (mạng xã hội, hotline, web, v.v.). Công tác tuyển sinh

cần đẩy mạnh trong 5 năm đầu tuyển sinh và thực hiện CTĐT Kiểm toán để người học và phụ huynh học sinh nhận biết có ngành đào tạo mới mở Kiểm toán tại Trường. Điểm nổi bật là thương hiệu Trường Đại học Tôn Đức Thắng ngày càng khẳng định vị thế về chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế, vì vậy công tác tuyển sinh dự kiến sẽ không gặp nhiều khó khăn khi đề xuất mở ngành đào tạo Kiểm toán.

Để đảm bảo duy trì đội ngũ giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường sẽ tăng cường tuyển dụng các tiến sĩ chuyên ngành Kiểm toán tốt nghiệp từ nước ngoài, nhằm nâng cao chất lượng giảng viên và khả năng nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, trong những năm đầu thực hiện CTĐT, Trường có thể tuyển dụng số lượng ít thạc sĩ chuyên ngành Kiểm toán và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về kiểm toán, sau đó gửi đi đào tạo nghiên cứu sinh ở nước ngoài tại các trường đại học đối tác thân hữu trên thế giới như Cộng hòa Séc, Đài Loan, Anh v.v. Bên cạnh đó, sau khóa đào tạo đầu tiên, Trường sẽ chọn những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, giữ lại Trường làm công tác trợ giảng, tạo điều kiện học tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ, nhằm tạo nguồn giảng viên cơ hữu cho ngành đào tạo Kiểm toán.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa Kế toán sẽ thực hiện kiểm định CTĐT ngành mới Kiểm toán bởi các tổ chức kiểm định CTĐT quốc tế uy tín như AUN-QA, FIBAA v.v. Đây là nhiệm vụ bắt buộc để nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là điều kiện để mở ngành thạc sĩ Kiểm toán về sau theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, Khoa Kế toán sẽ lấy ý kiến doanh nghiệp ngành Kiểm toán định kỳ hằng năm, nhằm điều chỉnh CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm thu hút người học.

Để giảm thiểu nguy cơ sinh viên Kiểm toán ngừng học tập giữa chừng, công tác giáo viên cố vấn (GVCV) hàng tháng cần chú trọng để hỗ trợ, tư vấn sinh viên kịp thời khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập. Ngoài ra, Khoa Kế toán luôn duy trì tổ chức gặp mặt sinh viên 2 lần/học kỳ để lắng nghe tâm tư và nguyện vọng của sinh viên, để có giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ người học. Bên cạnh đó, Khoa sẽ đẩy mạnh kết nối, hợp tác doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập, kiến tập tích lũy kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời tăng cơ hội sinh viên có việc sau khi tốt nghiệp, qua đó tạo động lực học tập cho người học, giảm tình trạng sinh viên bỏ học giữa chừng.

Để giảm thiểu tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hạn do không đảm bảo điều kiện tiếng Anh đầu ra, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Trung tâm ngôn ngữ sáng tạo (CLC) của Trường để thường xuyên tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về yêu cầu thiết phải học tiếng Anh trong tất cả các buổi họp với sinh viên (họp GVCV hàng tháng và gặp mặt sinh viên 2 lần/học kỳ), đặc biệt là sinh viên năm nhất. Ngoài ra, Khoa khuyến khích tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động học thuật kết hợp giữa chuyên môn và tiếng Anh để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh trong chuyên ngành Kiểm toán.

Việc mở ngành đào tạo mới tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để phòng ngừa rủi ro cơ sở đào tạo buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo ngành mới mở bởi cơ quan có thẩm quyền, Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện đúng. Trong quá trình thực hiện, nếu có sai sót, thì trường sẽ nhanh chóng khắc phục để đảm bảo quyền lợi của người học và Trường, qua đó duy trì chương trình đào tạo, phục vụ nhu cầu của xã hội. Trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo không thời hạn, Nhà trường luôn có giải pháp đảm bảo quyền lợi người học như tạo điều kiện chuyển sang học ngành gần như Kế toán thuộc Khoa Kế toán. Giảng viên ngành Kiểm toán sẽ chuyển sang giảng dạy các môn học chuyên về Kế toán.

VIII. CAM KẾT

Đề án mở ngành Kiểm toán thực hiện đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường cam kết triển khai và thực hiện tổ chức đào tạo chương trình đào tạo theo đúng Đề án mở ngành Kiểm toán được phê duyệt./

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Tổng Liên đoàn LĐVN (để b/c);
- Khoa Kế toán;
- Lưu: VT, P.ĐH.



TS. Trần Trọng Đạo

PHỤ LỤC 10
XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG
(Kèm theo đề án số: 1375...ĐA-TĐT ngày 25 tháng 4 năm 2025).

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

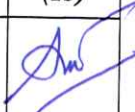
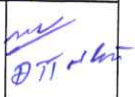
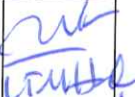
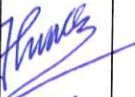
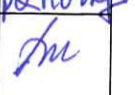
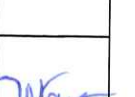
Ngành Kiểm toán - Mã ngành 7340302

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

1.1 Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với Trường, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán

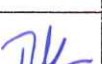
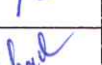
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trần Thị Thu 06/12/1989	035189000259 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	15/01/2024	X	7912318064	14		1	
2	Võ Thị Thúc 09/02/1983	079183021002 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Kế toán	01/03/2012	X	7912078662	13			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Nguyễn Duy Sửu 12/10/1981	046081010935 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam 2017	Tài chính- Ngân hàng	01/08//2014	X	0204159105	12		1	
4	Đỗ Thị Thanh Nhân (03/09/1984)	070184000145 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Cộng Hòa Czech, 2018	Chính sách Kinh tế và Quản trị	15/10/2010	X	7911379282	14		1	
5	Phan Hoài Vũ 11/11/1966	060066003627 Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2025	Khoa học quản lý	15/08/2014	X	HC893527818012345	15			
6	Lê Thị Mỹ Hạnh 18/01/1979	049179011374 Việt Nam	PGS, 2024	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh doanh và quản lý (Chuyên ngành kế toán)	01/05/2002	X	DN4790202188446	22		2	
7	Nguyễn Thị Thanh Hương 02/12/1984	079184002117 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kế toán	01/09/2010	X	7910309977	15			
8	Phùng Quang Hưng 25/04/1988	077088002641 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Đài Loan, 2019	Tài chính	15/07/2014	X	7910397992	15			
9	Lê Thị Mến 02/11/1986	033186008266 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Kế toán	03/07/2023	X	5111001079	6	2		
10	Đặng Lê Trần Vũ 12/06/1989	054089009920 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Kế toán	01/03/2024	X	5412003827	10		5	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	Lâm Thị Hoàng Hoanh 10/08/1990	084190008145 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Kế toán	01/06/2023	X	7913271531	4			
12	Bùi Thị Bích Liên 20/03/1964	064164000058 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kế toán	06/08/2020	X	0296265070	16			
13	Mai Huỳnh Phương Thảo 22/02/1989	079189037673 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Đài Loan, 2016	Quản trị kinh doanh/ Kinh doanh toàn cầu	01/07/2013	X	7912004195	2			
14	Nguyễn Thị Kim Tuyền 15/01/1989	051189005429 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kế toán	15/08/2014	X	7912308532	10			
15	Vũ Thị Bình Nguyên 27/05/1981	044181008146 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Kinh doanh và quản lý	23/12/2024	X	0204044166	16			
16	Nghiêm Quý Hào 30/11/1969	001069002463 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế chính trị	01/07/2015	X	0102002352	10			
17	Nguyễn Thị Nhung 06/06/1988	036188019520 Việt Nam	Không	Thạc sĩ Việt Nam 2012	Tâm lý học	01/06/2020	X	3620777788	13			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
18	Trịnh Phương Thảo 24/03/1983	037183006559 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam 2009	Tâm lý học	15/02/2022	X	7410101412	15			
19	Phạm Xích Nam 24/08/1986	096086001059 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	01/03/2013	X	7913117700	11			
20	Lê Trần Nhật Hoàng 21/05/1994	079094020759 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học	10/10/2022	X	7938573907	5			
21	Nguyễn Đình Long 10/06/1987	049087011398 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Đài Loan, 2015	Khoa học huấn luyện thể thao	01/08/2011	X	4797911382660	13			
22	Lê Tấn Phát 24/06/1986	048086000134 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2014	Giáo dục thể chất – huấn luyện thể thao	01/03/2017	X	4810020885	16			
23	Phạm Quỳnh Sỹ 24/01/1987	066087016408 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	01/02/2012	X	7912077444	12			
24	Lê Trần Minh Nghĩa 10/09/1983	079083015991 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Đài Loan, 2015	Khoa học huấn luyện thể thao	01/07/2013	X	0205236933	10			
25	An Thị Ngọc Lan 16/08/1984	079184008948 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam 2014	Luật học	01/01/2019	X	7908225141	5			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
26	Lâm Thành Danh 27/06/1974	079074027754 Việt Nam	Không	Thạc sĩ Việt Nam 2013	Luật học	01/05/2015	X	0299097757	10			
27	Nguyễn Thị Thanh Mai 15/08/1995	026195000868 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam 2021	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	15/03/2022	X	2621494835	3			
28	Phạm Thị Cẩm Ngọc 11/10/1992	075192000172 Việt Nam	Không	Thạc sĩ Anh, 2016	Luật thương mại	15/08/2023	X	7915003184	5			
29	Phạm Thành Trí 05/09/1981	089081000200 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Đại số và lí thuyết số	01/11/2018	X	7914020066	6			
30	Phạm Thị Yến Anh 03/06/1980	089180016555 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Toán ứng dụng	01/12/2018	X	7908302472	6			
31	Thái Thị Tú Anh 24/10/1993	040193003743 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Triết học	01/12/2021	X	116167012	6			
32	Vũ Văn Thành 29/06/1980	037080003375 Việt Nam	Không	Thạc sĩ Việt Nam 2014	Kinh tế	01/08/2024	X	206317066	11			
33	Phạm Thị Thanh Huyền 02/01/1981	036181023509 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Lịch sử	01/09/2016	X	8904000183	21			
34	Nguyễn Công Hưng 12/01/1954	001054012737 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, CHLB Nga, 1993	Kinh tế chính trị	01/09/2007	X	HT3 790207328 260	17			
35	Lê Thị Loan 10/10/1997	038197007300 Việt Nam	Không	Thạc sĩ Việt Nam, 2020	Kinh tế chính trị	10/03/2024	X	3823203733	2			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
36	Trương Trần Hoàng Phúc 10/07/1984	079084010326 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	01/06/2023	X	7934055044	14			
37	Trần Xuân Bình 15/05/1962	044062004657 Việt Nam	PGS 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Xã hội học	01/02/2024	X	3398005773	35			
38	Võ Thế Sinh 10/03/1971	051071000312 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	01/07/2011	X	197031520	14			
39	Trần Công Đức 11/02/1991	056091008689 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Đài Loan, 2020	Quản trị kinh doanh	01/09/2016	X	7916325019	5			
40	Nguyễn Thị Hồng Hạnh 17/11/1994	079194030164 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Australia, 2020	Tài chính – Quản trị chuỗi cung ứng	01/03/2019	X	7939416904	5			
41	Phạm Thị Ngân 08/10/1979	027179006005 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2014	Kinh tế quốc tế	15/01/2010	X	7908478588	15			
42	Trần Thị Vân Trang 09/11/1992	079192001553 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	05/09/2018	X	7915180679	5			
43	Đỗ Thiên Thanh 07/10/1990	083190003908 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021,	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	11/07/2022	X	7916412954	12			
44	Phan Thị Thanh Kiều 25/05/1985	080185014437 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Úc, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	08/10/2018	X	8022951460	17			 P.T.T. Kiều

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
45	Bùi Thị Kiều Trinh 16/01/1997	82197016314 Việt Nam	Không	Cử nhân Việt Nam, 2021	Giáo dục quốc phòng và an ninh	18/07/2022	X	8223816950	2.5			
46	Lê Hùng 23/04/1985	038085042584 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Quản lý giáo dục	16/10/2019	X	DN4797930721647	4			
47	Phạm Quốc Duy 19/06/1998	084098000868 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Quản lý giáo dục	01/04/2022	X	8422427606	3			
48	Lê Hoàng Chinh 03/11/1985	086085011909 Việt Nam	Không	Cử nhân Việt Nam, 2009	Quân sự	01/08/2022	X	7929525427	3			
49	Phạm Trần Thanh Văn 03/09/1986	060086004701 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học máy tính	15/09/2016	X	7909182298	10			
50	Huỳnh Thị Thu Thủy 11/12/1974	079174031022 Việt Nam	Không	Tiến sĩ Việt Nam 2022	Khoa học máy tính	01/11/2014	X	5698015866	27			
51	Nguyễn Trần Hồng Vân 30/06/1990	079190000505 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Pháp, 2015	Quản trị kinh doanh	05/07/2016	X	7916325039	9			
52	Bùi Đức Nhã 09/09/1981	080081004206 Việt Nam	Không	Tiến Sĩ, Đài Loan 2022	Tài chính	01/07/2010	X	5106001578	14			
53	Nguyễn Huỳnh Nhân 01/11/1986	083086007024 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Kế toán	20/12/2024	X	7916021697	4			
54	Trần Quốc Khánh 31/08/1985	052085014358 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kế toán – tài chính		20/12/2024 Thỉnh giảng	0207392143	2			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
55	Phạm Minh Tiến 04/11/1981	052081010566 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế học		26/08/2024 Thỉnh giảng	7909087575	17			
56	Nguyễn Thị Ngọc Diệp 07/12/1977	080177000643 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán		25/12/2024 Thỉnh giảng	0203050367	14			
57	Phạm Quang Huy 23/12/1983	079 083 000 624 Việt Nam	PGS kinh tế	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế		21/08/2024 Thỉnh giảng	0205351111	15	1		
58	Phạm Tú Anh 13/10/1984	079184027360 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kế toán		18/08/2024 Thỉnh giảng	0207425954	14			
59	Trần Minh Ngọc 05/02/1987	079087021266 Việt Nam	Không	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Tài chính – ngân hàng		18/08/2024 Thỉnh giảng	7909433207	15			
60	Dương Hoàng Ngọc Khuê 01/06/1980	051180014162 Việt Nam	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh doanh và quản lý		18/08/2024 Thỉnh giảng	0203092926	22			

Đính kèm Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy ngành Kiểm toán.

1.2 Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Phạm Thị Cẩm Ngọc	Pháp luật đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	An Thị Ngọc Lan							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
2	Nguyễn Thị Nhung	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững – Thái độ sống 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Trịnh Phương Thảo							
3	Phạm Xích Nam	Bơi lội	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Lê Trần Nhật Hoàng							
4	Bùi Thị Kiều Trinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Lê Hùng							
5	Bùi Thị Kiều Trinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 2	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Lê Hùng							
6	Phạm Quốc Duy	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 3	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Lê Hoàng Chinh							
7	Phạm Quốc Duy	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 4	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Lê Hoàng Chinh							
8	Huỳnh Thị Thu Thủy	Cơ sở tin học 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Phạm Trần Thanh Văn							
9	Võ Thế Sinh	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
	Trần Công Đức							
10	Thái Thị Tú Anh	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Vũ Văn Thành							
11	Phạm Thành Trí	Toán kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Phạm Thị Yến Anh							
12	Phan Thị Thanh Kiều	Tiếng Anh 1	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Đỗ Thiên Thanh							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
13	Huỳnh Thị Thu Thủy	Cơ sở tin học 2	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Phạm Trần Thanh Văn							
14	Bùi Thị Bích Liên	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Nguyễn Thị Kim Tuyền							
15	Võ Thế Sinh	Kinh tế vĩ mô	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
	Trần Công Đức							
16	Nguyễn Đình Long	Nhóm tự chọn GDTC 1 (38198_240707)	Học kỳ 2, năm thứ 1			X		
	Lê Tấn Phát							
17	Lê Thị Loan	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Vũ Văn Thành							
18	Phan Thị Thanh Kiều	Tiếng Anh 2	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Đỗ Thiên Thanh							
19	Nguyễn Thị Nhung	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững – Thái độ sống 2	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Trịnh Phương Thảo							
20	Võ Thị Thức	Thuế trong doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình Giảng viên thỉnh giảng
	Nguyễn Thị Ngọc Diệp							
21	Lâm Thành Danh	Luật công ty	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Nguyễn Thị Thanh Mai							
22	Lê Thị Mỹ Hạnh	Kế toán doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				
	Lâm Thị Hoàng Hoanh							
23	Phạm Quỳnh Sỹ	Nhóm tự chọn GDTC 2 (38199_240707)	Học kỳ 1, năm thứ 2			X		
	Lê Trần Minh Nghĩa							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
24	Trương Trần Hoàng Phúc	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Trần Xuân Bình							
25	Phạm Thành Trí	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				
	Phạm Thị Yến Anh							
26	Mai Huỳnh Phương Thảo	Nghiên cứu định lượng trong Kế toán – Kiểm toán	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				Giảng viên thỉnh giảng
	Phạm Minh Tiến							
27	Nghiêm Quý Hào	Lý thuyết tài chính và tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Nguyễn Duy Sứ							
28	Lâm Thị Hoàng Hoanh	Mô phỏng kế toán doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Võ Thị Thúc							
29	Lê Thị Mỹ Hạnh	Kế toán tài chính và báo cáo tài chính	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Võ Thị Thúc							
30	Nguyễn Thị Nhung	Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] (38213_240707)	Học kỳ 2, năm thứ 2			X		
	Trịnh Phương Thảo							
31	Vũ Thị Bình Nguyên	Chuẩn mực kế toán quốc tế	Học kỳ 2, năm thứ 2			X		
	Phạm Tú Anh							
32	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nguyên lý quản trị	Học kỳ 2, năm thứ 2			X		
	Phạm Thị Ngân							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
33	Phạm Thị Thanh Huyền	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Trần Xuân Bình							
34	Nguyễn Thị Nhung	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững – Thái độ sống 3	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Trịnh Phương Thảo							
35	Phan Hoài Vũ	Kế toán quản trị 1	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Nguyễn Thị Kim Tuyến							
36	Lê Thị Mến	Kiểm toán căn bản	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Nguyễn Thị Thanh Hương							
37	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chuyên đề: Kỹ năng nghề kiểm toán	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				Giảng viên thỉnh giảng
	Trần Quốc Khánh							
38	Nguyễn Thị Thanh Hương	Mô phỏng tổ chức công tác kế toán	Học kỳ 1, năm thứ 3	X				
	Vũ Thị Bình Nguyên							
39	Nguyễn Duy Sứ	Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 3			X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Đỗ Thị Thanh Nhân							
40	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Đạo đức trong kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3			X		
	Nghiêm Quý Hào							
41	Trương Trần Hoàng Phúc	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Phạm Thị Thanh Huyền							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
42	Nguyễn Thị Nhung	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Trịnh Phương Thảo							
43	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Kế toán quản trị 2	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Phan Hoài Vũ							
44	Huỳnh Hữu Nhân	Kiểm toán nội bộ	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				Giảng viên thỉnh giảng
	Dương Hoàng Ngọc Khuê							
45	Lê Thị Mến	Kiểm toán báo cáo tài chính	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Nguyễn Thị Thanh Hương							
46	Đặng Lê Trần Vũ	Đưa ra quyết định bằng Lập trình & Phân tích	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Bùi Đức Nhã							
47	Phan Hoài Vũ	Phân tích I: Kỹ thuật trực quan và dự đoán	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Phùng Quang Hưng							
48	Trần Thị Thu	Kế toán quốc tế	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Phạm Quang Huy							
49	Nguyễn Thị Nhung	Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] (38214_240707)	Học kỳ 2, năm thứ 3	X				
	Trịnh Phương Thảo							
50	Võ Thị Thức	Kế toán thuế và Khai báo thuế	Học kỳ 2, năm thứ 3			X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Nguyễn Thị Ngọc Điệp							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
51	Nguyễn Duy Sửu	Sáp nhập và hợp nhất Doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 3			X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Đỗ Thị Thanh Nhân							
52	Huỳnh Hữu Nhân	Mô phỏng kiểm toán báo cáo tài chính	Học kỳ 1, năm thứ 4	X				Giảng viên thỉnh giảng
	Trần Quốc Khánh							
53	Trần Thị Thu	Phân tích Kiểm toán	Học kỳ 1, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Trần Minh Ngọc							
54	Nguyễn Thị Thanh Hương	Hệ thống thông tin kế toán	Học kỳ 1, năm thứ 4	X				
	Lê Thị Mến							
55	Vũ Thị Bình Nguyên	Hợp nhất báo cáo tài chính	Học kỳ 1, năm thứ 4			X		
	Mai Huỳnh Phương Thảo							
56	Đặng Lê Trần Vũ	Trí tuệ nhân tạo trong Kế toán & Kiểm toán	Học kỳ 1, năm thứ 4			X		
	Nguyễn Trần Hồng Vân							
57	Nguyễn Trần Hồng Vân	Phân tích II: Kỹ thuật dự đoán nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 4			X		
	Phùng Quang Hưng							
58	Nguyễn Duy Sửu	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	Học kỳ 1, năm thứ 4			X		
	Mai Huỳnh Phương Thảo							
59	Lê Thị Mỹ Hạnh	Tập sự nghề nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Trần Thị Thu							
	Nguyễn Duy Sửu							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
60	Lê Thị Mến	Kỹ năng thực hành chuyên môn	Học kỳ 2, năm thứ 4	X				
	Mai Huỳnh Phương Thảo							
61	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thực hành chuyên môn nghề nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4	X				
	Lê Thị Mến							
62	Lê Thị Mỹ Hạnh	Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 4	X				
	Trần Thị Thu							Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
	Nguyễn Thị Thanh Hương							

1.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa ngành Kiểm toán trình độ đại học

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Thị Mỹ Hạnh, 18/01/1979, trưởng Khoa	PGS, Tiến sĩ, 2015	Kinh doanh và quản lý (Chuyên ngành kế toán)	Quản lý chung
2	Trần Thị Thu, 06/12/1989, giảng viên	Tiến sĩ, 2023	Kế toán	Quản lý ngành và chương trình đào tạo
3	Nguyễn Thị Thanh Hương, 02/12/1984, phụ trách bộ môn Kiểm toán	Thạc sĩ, 2015	Kế toán	Thư ký quản lý chương trình đào tạo
4	Nguyễn Thị Hoài Thu, 20/08/1996, Thư ký Khoa, Giáo vụ	Cử nhân, 2020	Kế toán	Thư ký khoa Trợ lý công tác giáo vụ
5	Trần Hai Thế Kỹ, 04/03/2000, Công tác HSSV	Cử nhân, 2023	Kế toán	Trợ lý công tác sinh viên

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Kiểm toán

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần được phân công)	Ghi chú
1	Quyết định số 80/2017/FOSTECT-QĐ ngày 30/12/2017 Mã số: FOSTECT.2017.BR.16	Cấp cơ sở	Does Powerful Ceo Engage in Earnings Management? The Monitoring Role of Foreign Shareholders in Vietnamese Listed Companies	Lê Thị Mỹ Hạnh	Quyết định số 29/2020/FOSTECT-QĐ ngày 5/5/2020	01/06/2020	Hoàn thành, ngày 5/5/2020	Lê Thị Mỹ Hạnh Qian Long Kweh Irene Ting Wei Kiong	
2	Quyết định số 81/2017/ FOSTECT-QĐ ký ngày 30/12/2017 Mã số: FOSTECT.2017.BR.17	Cấp cơ sở	Does Government Monitor Managerial Overconfidence To The Benefits Of Promoting R&D Investments Among Malaysian Listed Company	Irene Ting Wei Kiong	Quyết định số 28/2020/FOSTECT-QĐ ngày 5/5/2020	3/6/2020	Hoàn thành, 5/5/2020	Irene Ting Wei Kiong Qian Long Kweh Lê Thị Mỹ Hạnh	
3	Quyết định số 2751/QĐ-TĐT ngày 27/9/2022 Mã số: FOSTECT.2022.22	Cấp cơ sở	Financial literacy and portfolio diversification: Evidence from participants in Vietnam	Nguyễn Duy Sứ	Quyết định số 111/QĐ-TĐT ngày 12/1/2024	23/2/2024	Hoàn thành, 23/2/2024	Nguyễn Duy Sứ Đỗ Thị Thanh Nhân Phó Kim Hưng Hoàng Thị Hồng Vân	

2.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Kiểm toán trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm này (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Phan, H. V. , Lai, C. P., Li, H., Le, H. T. M., & Nguyen, T. K. (2024). K. <i>International Journal of Industrial Management</i> , 18(1), 60-71.	ESCI
2	Le, H. T. M. , Lai, C. P., Phan, V. H. , & Pham, V. T. (2024). Financial reporting quality and investment efficiency in manufacturing firms: The role of firm characteristics in an emerging market. <i>Journal of Competitiveness</i> , 16(1).	ESCI
3	Thu, T. T. (2024). The Effects Of Foreign Ownership On Corporate Risk: Findings From Quantile Regression And FSQCA. <i>International Journal of Business and Society</i> , 25(2), 573-591.	ESCI
4	Tran, T. T. , Ha, T. X., & Vo, N. K. (2024). Foreign ownership and product market competition's influence on firm performance: Mediating role of the corporate governance index. <i>Business Strategy & Development</i> , 7(2), e366.	ESCI
5	Thi Thuc Vo ; Xuan Vinh Vo; Duy Suu Nguyen (2024) “The Moderating Effect Of Audit Quality On Foreign Ownership And Tax Avoidance_Evidence From Vietnam”. <i>International Conference on Business and Finance 2024</i> , p. 793-806. ISBN: 978-604-4-923-604.	
6	Le, H. T. M. , Ting, I. W. K., Kweh, Q. L., & Ngo, H. L. T. (2023). CEO duality, board size and firm performance: evidence in Vietnam. <i>International Journal of Business Excellence</i> , 29(1), 98-120.	ESCI
7	Nguyen, H. T. T., Ullah, S., Le, H. T. M. , & Hameed, A. (2023). Sustainability Targets in Executive Remuneration Contracts and Corporate Sustainability Performance in the United Kingdom and European Union. <i>Environment Systems and Decisions</i> , 43(3), 393-415.	Scopus
8	Kweh, Q. L., Le, H. T. M. , Ting, I. W. K., & Lu, W. M. (2023). Family control, R&D expenses and firm efficiency: evidence from Taiwanese cultural and creative industries. <i>International Journal of Emerging Markets</i> .	SSCI
9	Le Thi My Hanh , Cheng-Po Lai, Phan Vu Hoai, Bui Thi Bich Lien (2023). The Effect of Ownership Structure on the Performance of Listed Firms in Vietnam. <i>The 6th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2023)</i>	
10	Suu, N. D. , Tien, H. T., Pan, S. H., & Wong, W. K. (2023). Impact of foreign ownership and foreign bank presence on liquidity risk: Evidence from Viet Nam. <i>Advances in Decision Sciences</i> , 27(1), 23-44.	Scopus
11	Nguyen, D. S. , Van Hoang, T. H., & Pho, K. H. (2023). Financial Literacy and portfolio diversification: Evidence from Vietnam. <i>Journal of Competitiveness</i> , 15(3).	SSCI

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
12	Thi Thuc Vo , Tuong Vi Pham, Ngoc Thao Nguyen Le, Mai Tam Nhu Nguyen (2023). Capital Structure And Firm Performance: Evidence From Vietnamese Listed Companies. <i>International Conference On Financial Management and Economics 2023 (ICFME 2023)</i> .	
13	Xuan Vinh Vo, Thi Thuc Vo (2023). The Mediating Role Of Accounting Conservatism On The Relationship Between Foreign Ownership and Firm Performance: Evidence From Vietnam. <i>International Conference on Business and Finance 2023 (ICBF 2023)</i> .	
14	Nguyen, T. K., Lai, C. P., & Phan, H. V. (2024). DETECTING INFORMAL COSTS IN VIETNAMESE FIRMS: A DATA MINING APPLICATION. <i>Transformations in Business & Economics</i> , 23(1).	ESCI
15	Thi Thuc Vo , Xuan Vinh Vo, Duy Suu Nguyen (2023). The Moderating Role of CEO Duality on The Relationship between Foreign Ownership and Firm Performance: Evidence from Vietnam. <i>The 6th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2023)</i> .	
16	Lam Thi Hoang Hoanh , Pham Nhat Tuan, Yan-Jie Yang (2023). The Impact of COVID – 19 Pandemic on Audit Quality: An Empirical Study in Vietnam. <i>The 6th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2023)</i> .	
17	Huong Nguyen Thi Thanh , Irene Wei Kiong Ting, Quynh Tran Thi Thuy (2023). Factors Affecting Company Liquidity: Evidence from Vietnamese Manufacturing Companies. <i>The 6th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2023)</i> .	
18	Le, H. T. M. , Kweh, Q. L. , Ting, I. W. K., & Nourani, M. (2022). CEO power and earnings management: Dual roles of foreign shareholders in Vietnamese listed companies. <i>International Journal of Finance & Economics</i> , 27(1), 1240-1256.	SSCI
19	Ting, I. W. K., Kweh, Q. L. , Asif, J., & Le, H. T. M. (2022). Intellectual capital and corporate profitability: zooming into value added intellectual coefficient. <i>International Journal of Learning and Intellectual Capital</i> , 19(5), 461-489.	ESCI
20	Ting, I. W. K., Chen, F. C., Kweh, Q. L. , Sui, H. J., & Le, H. T. M. (2022). Intellectual capital and bank branches' efficiency: an integrated study. <i>Journal of Intellectual Capital</i> , 23(4), 840-863.	SSCI
21	Kweh, Q. L. , Lu, W. M., Ting, I. W. K., & Thi My Le, H. (2022). The cubic S-curve relationship between board independence and intellectual capital efficiency: does firm size matter?. <i>Journal of Intellectual Capital</i> , 23(5), 1025-1051.	SSCI
22	Kweh, Q. L. , Ting, I. W. K., Lu, W. M., & Le, H. T. M. (2022). Nonlinearity in the relationship between intellectual capital and corporate performance: Evidence from Vietnamese listed companies. <i>Journal of Intellectual Capital</i> , 23(6), 1246-1275.	SSCI
23	Sửu, N. D. , Trường, N. X., & Trâm, Đ. T. N. Cail trúc sở hữu và hiệu quả hoạt động của công ty xây dựng và bất động sản: Bằng chứng tại Việt Nam.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
24	Duong, K. D., Nguyen, S. D. , Phan, P. T. T., & Luong, L. K. (2022). How Foreign Direct Investment, Trade Openness, and Productivity Affect Economic Growth: Evidence From 90 Middle-income Countries. <i>Scientific Papers of the University of Pardubice. Series D, Faculty of Economics & Administration</i> , 30(3).	Scopus
25	Xuan Vinh Vo and Thi Thuc Vo (2022) "The impact of institutional ownership on accounting conservatism: Evidence from a frontier market". <i>International Conference on Business and Finance 2022</i> , p. 1253-1260. ISBN: 978-604-3-60956-1.	
26	Xuan Vinh Vo and Thi Thuc Vo (2022) "Investigation of the relationship between accounting conservatism and stock liquidity: evidence from Vietnam". <i>International Conference on Business and Finance 2022</i> , p. 781-789. ISBN: 978-604-3-60956-1	
27	Kweh, Q. L., Ting, I. W. K., Le, H. T. M. , & Nourani, M. (2021). Nonlinear impacts of board independence on debt financing: Contingent on the shareholdings of the largest shareholder. <i>International Journal of Finance & Economics</i> , 26(2), 2289-2306.	Scopus
28	Nguyen, D. S. , Nguyen, V. D., Tran, D. T., & Dempsey, M. J. (2021). The Firm's Performance in Relation to Capital Structure and Foreign Ownership: Evidence from Vietnam. <i>Journal of Advanced Engineering and Computation</i> , 5(1), 35-49.	ESCI
29	Nguyen, D. S. , Nghiem, Q. H., & Do, T. N. (2021). Non-Performing Loans of Commercial Banks, and Their Causes: Evidence from Vietnam. <i>Journal of Advanced Engineering and Computation</i> , 5(4), 239-253.	
30	Suu, N. D. , Tien, H. T., & Wong, W. K. (2021). The impact of capital structure and ownership on the performance of state enterprises after equitization: Evidence from Vietnam. <i>Annals of Financial Economics</i> , 16(02), 2150007.	ESCI
31	Hsieh, C. H., Ting, I. W. K., Asif, J., & Le, H. T. M. (2020). The role of controlling shareholders in determining investments of intellectual capital among Taiwanese semiconductor companies. <i>Journal of Intellectual Capital</i> , 21(1), 62-86.	SSCI
32	Ahmad, N., Ting, I. W. K., & Le, H. T. M. (2020). Founder effectiveness in sustaining financial performance: influence of family ownership. <i>Journal for International Business and Entrepreneurship Development</i> , 12(2-3), 109-121.	ESCI
33	Tebourbi, I., Ting, I. W. K., Le, H. T. M. , & Kweh, Q. L. (2020). R&D investment and future firm performance: The role of managerial overconfidence and government ownership. <i>Managerial and Decision Economics</i> , 41(7), 1269-1281.	SSCI
34	Le, H. T. M. , Nguyen, T. T., Pham, V. T., & Vo, T. T. (2020). The impacts of ceo age and education level on earnings management: Evidence from listed vietnamese real estate firms. <i>Institutions and Economies</i> , 71-91.	Scopus
35	Le, H. T. M. , Kweh, Q. L., Ting, I. W. K., & Nourani, M. (2022). CEO power and earnings management: Dual roles of foreign shareholders in Vietnamese listed companies. <i>International Journal of Finance & Economics</i> , 27(1), 1240-1256.	SSCI

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
36	Nguyen, T. K. T., & Anh, P. T. (2023). Board characteristics, assurance auditing services role and earning management: evidence from Vietnam. <i>International Journal of Managerial and Financial Accounting</i> , 15(2), 211-230.	SSCI
37	Nguyen, T. K., Lai, C. P., Phan, H. V., & Razali, M. N. (2021). Real estate research trends and most impact real estate journals: a co-citation analysis. <i>Pacific Rim Property Research Journal</i> , 27(1), 1-21.	Sco[pous

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

3.1 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Kiểm toán trình độ đại học

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	800	Học phần các môn kỹ năng (Môn những kỹ năng phát triển bền vững, thái độ sống, ...)	Năm học 2025 – 2026, năm học 2026-2027, năm học 2027-2028	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	100	Học phần các môn kiến thức đại cương (Triết học Mac- Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, ...)	4 năm học	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	2	176	Học phần các môn kiến thức cơ sở ngành (Các phương pháp nghiên cứu trong Kế toán, Kinh tế vi mô, ...)	4 năm học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	120	Học phần các môn kiến thức chuyên ngành (Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Phân tích dữ liệu, ...)	4 năm học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	5	400	Học phần nghề nghiệp, báo cáo chuyên đề, thực tập seminar, ...)	Năm học 2027-2028, năm học 2028-2029	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	1	20	Toàn bộ các học phần	4 năm học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	9133	Toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo	4 năm học	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1	115	Học phần thực tập chuyên đề định hướng nghề nghiệp kiểm toán, thực hành Kế toán, Kiểm toán ...	4 năm học	

3.2 Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	1	Triết học Mác Lenin	306102	HK1, năm 2	Giáo trình
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	1	Kinh tế chính trị Mác Lenin	306103	HK 2, năm 2	Giáo trình
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	306104	HK1, năm 3	Giáo trình
4	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	306106	HK 2, năm 3	Giáo trình
5	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	1	Lịch sử Đảng ĐCS VN	306105	HK 2, năm 3	Giáo trình
6	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2018	1	Pháp luật đại cương	302053	HK 1, năm 1	Giáo trình
7	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2023	0	Pháp luật đại cương	302053	HK 1, năm 1	Tham khảo chính
8	Mathematical Applications for the Management, Life, and Social Sciences	Ronald J. Harshbarger, James J. Reynolds	Cengage Learning, 2019	1	Toán kinh tế	C01120	HK 2, năm 1	Giáo trình
9	Basic Mathematics for Economists	Mike Rosser.	Routledge, 2016	1	Toán kinh tế	C01120	HK 2, năm 1	Tham khảo chính

Handwritten signature

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
10	An Introduction to Mathematics for Economics, 1st ed., Cambridge University Press.	Akihito Asano, [2013], An Introduction to Mathematics for Economics, 1st ed., Cambridge University Press.	Akihito Asano, [2013], An Introduction to Mathematics for Economics, 1st ed., Cambridge University Press.	1	Toán kinh tế	C01120	HK 2, năm 1	Tham khảo chính
11	Mathematics and Methodology for Economists	Wolfgang Eichhorn, Winfried Gleißner	Springer, 2016		Toán kinh tế	C01120	HK 2, năm 1	Tham khảo khác
12	Giáo trình toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúy, Nguyễn Quỳnh Lam	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012	1	Toán kinh tế	C01120	HK 2, năm 1	Tham khảo khác
13	Statistics for Business and Economics	David R. Anderson, Dennis J. Sweeney, and Thomas A. Williams	South-Western Cengage Learning, USA, 2011→2020	1	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	C01136	HK 4, năm 2	Giáo trình
14	Statistics for Management and Economics	Gerald Keller	South-Western Cengage Learning, USA, 2022	1	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	C01136	HK 4, năm 2	Tham khảo chính
15	Elementary Statistics: A Step-by-Step Approach	Allan G. Bluman	McGraw-Hill Education, New York City, USA, 2012→2018	1	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	C01136	HK 4, năm 2	Tham khảo chính
16	Introductory Statistics	Prem S. Mann and Christopher J. Lacke	John Wiley & Sons, New Jersey, USA, 2013--2016	1	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	C01136	HK 4, năm 2	Tham khảo khác
17	<i>Probability and Statistics for Engineers and Scientists</i>	Walpole R. E., Myers R. H., Myers S. L. and Ye, K.	Pearson Education, Boston, 2012→2024	1	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	C01136	HK 4, năm 2	Tham khảo khác
18	B1 Preliminary 1: with answer: Authentic practice tests	Cambridge University Press	Cambridge University Press, Cambridge, 2019	1	Tiếng Anh 1	P15031	HK 2, năm 1	Giáo trình
19	Compact Preliminary for Schools B1	Elliott, S., Thomas, A.	Cambridge University Press, Cambridge, 2019	1	Tiếng Anh 1	P15031	HK 2, năm 1	Tham khảo chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
20	Complete Preliminary for Schools	Cooke, C.	Cambridge University Press, Cambridge, 2019	1	Tiếng Anh 1	P15031	HK 2, năm 1	Tham khảo chính
21	Prepare. B1 Level 5, Workbook with digital pack	Chilton, H.	Cambridge University Press, Cambridge, 2021	0	Tiếng Anh 1	P15031	HK 2, năm 1	Tham khảo chính
22	B1 Preliminary 2: with answer: Authentic practice tests	Cambridge University Press	Cambridge University Press, Cambridge, 2020	1	Tiếng Anh 2	P15032	HK 3, năm 2	Giáo trình
23	Cambridge English Qualifications: B1 Preliminary for Schools Practice Tests Plus	Little, M., Newbrook, J.	Pearson Education Limited, Cambridge, 2019		Tiếng Anh 2	P15032	HK 3, năm 2	Tham khảo chính
24	Prepare : Student's book. B1, Level 5	Joseph, N., Chilton, H.	Cambridge University Press, Cambridge, 2019	1	Tiếng Anh 2	P15032	HK 3, năm 2	Tham khảo chính
25	MOS 2016 Study Guide for Microsoft Word	Joan Lambert	Pearson Education, New York City, 2017	1	Cơ sở tin học 1, Cơ sở tin học 2	G01001, G01002	HK 1, 2, năm 1	Giáo trình
26	Windows 10 Step by Step	Joan Lambert	Pearson Education, 2018	1	Cơ sở tin học 1	G01001, G01002	HK 1, 2, năm 1	Tham khảo chính
27	Microsoft Official Academic Course, Microsoft Word 2016, MOS EXAM 77-725	John Wiley	John Wiley & Sons, New Jersey, 2016	1	Cơ sở tin học 1, Cơ sở tin học 2	G01001, G01002	HK 1, 2, năm 1	Tham khảo chính
28	Word 2016 In Depth	Faithe Wempen	Que Publishing, Indianapolis, 2016	1	Cơ sở tin học 1, Cơ sở tin học 2	G01001, G01002	HK 1, 2, năm 1	Tham khảo khác
29	Microsoft Word 2016 Step by Step, Microsoft Press	Joan Lambert	Microsoft Press, Redmond, Washington, 2015	1	Cơ sở tin học 1, Cơ sở tin học 2	G01001, G01002	HK 1, 2, năm 1	Tham khảo khác

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
30	The Institute of Chartered Accountants in England and Wales.	The Institute of Chartered Accountants in England and Wales.	IFRS Standards, 2021	0	Nguyên lý kế toán	201039	HK2, năm 2	Tham khảo khác
31	Nguyên lý kế toán = Principles of accounting: lý thuyết, tình huống, trắc nghiệm, bài tập và bài giải	Lê Thị Mỹ Hạnh,...[và những người khác]	Lưu hành nội bộ, 2024, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2	Nguyên lý kế toán	201039	HK2, năm 2	Tham khảo chính
32	Horngren's Accounting	Tracie Miller-Nobles, Brenda Mattison	Pearson, 2024, London, Anh	0	Nguyên lý kế toán	201039	HK2, năm 2	Giáo trình
33	Research Methods for Business Students	Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill	Pearson Education, 2023, London, Anh	0	Nghiên cứu định lượng trong Kế toán	201115	HK4, năm 2	Giáo trình
34	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill, Nguyễn Văn Dung dịch	NXB Tài chính, 2024, Hà Nội, Việt Nam	2	Nghiên cứu định lượng trong Kế toán	201115	HK4, năm 2	Tham khảo chính
35	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Phạm Lê Thông chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023, Hà Nội, Việt Nam	0	Nghiên cứu định lượng trong Kế toán	201115	HK4, năm 2	Tham khảo chính
36	Giáo trình thuế	Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyên	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2023, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3	Thuế trong doanh nghiệp	201129	HK3, năm 2	Giáo trình
37	Bài tập Thuế	Nguyễn Kim Quyên chủ biên ... [và những người khác]	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2022, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0	Thuế trong doanh nghiệp	201129	HK3, năm 2	Tham khảo chính
38	Interpretation and Application of IFRS Standards	Salim Alibhai et al.	John Wiley & Sons, Cornwall, 2020, UK.	0	Chuẩn mực kế toán quốc tế	201126	HK5, năm 3	Giáo trình
39	IFRS Standards	IFRS	2023. https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/	0	Chuẩn mực kế toán quốc tế	201126	HK7, năm 4	Giáo trình

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
40	Standards	Deloitte	2023. https://www.iasplus.com/en/standards	0	Chuẩn mực kế toán quốc tế	201126	HK7, năm 4	Tham khảo khác
41	Accounting Information Systems - 16th edition	Marshall B. Romney, Paul J. Steinbart	Person, 2024, New York, Mỹ	0	Hệ thống thông tin kế toán	201085	HK7, năm 4	Giáo trình
42	Accounting Information Systems: Controls and Processes.	Leslie Turner, Andrea B. Weickgenannt, Mary Kay Copeland	John Wiley & Sons, 2022, Mỹ	0	Hệ thống thông tin kế toán	201085	HK7, năm 4	Tham khảo chính
43	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh và Trần Trung Tuấn	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024, Hà Nội, Việt Nam	0	Hệ thống thông tin kế toán	201085	HK7, năm 4	Tham khảo chính
44	Coso framework - Internal Control - Integrated Framework.	COSO	2013	0	Hệ thống thông tin kế toán	201085	HK7, năm 4	Tham khảo khác
45	Coso ERM Framework.	COSO	2017	0	Hệ thống thông tin kế toán	201085	HK7, năm 4	Tham khảo khác
46	Kế toán doanh nghiệp	Lê Thị Mỹ Hạnh chủ biên...[và những người khác]	NXB Tài chính, 2025, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0	Kế toán doanh nghiệp	201116	HK3, năm 2	Giáo trình
47	Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Bộ Tài Chính, 2014, Hà Nội, Việt Nam	0	Kế toán doanh nghiệp	206018	HK3, năm 2	Tham khảo chính
48	26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và toàn bộ thông tư hướng dẫn các chuẩn mực : Đã cập nhật thông tư 161/2007/TT - BTC ngày 31/12/2007 về hướng dẫn thực hiện 16 chuẩn mực kế toán mới	Bộ Tài chính	Bộ Tài Chính, 2009, Hà Nội, Việt Nam	0	Kế toán doanh nghiệp	206018	HK3, năm 2	Tham khảo khác
49	Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 Hướng dẫn việc trích	Bộ Tài chính	Bộ Tài Chính, 2019, Hà Nội, Việt Nam	0	Kế toán doanh nghiệp	206018	HK3, năm 2	Tham khảo khác

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp							
50	Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Bộ Tài chính	Bộ Tài Chính, 2013, Hà Nội, Việt Nam.	0	Kế toán doanh nghiệp	206018	HK3, năm 2	Tham khảo khác
51	Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC: hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Bộ Tài chính	Bộ Tài Chính, 2016, Hà Nội, Việt Nam.	0	Kế toán doanh nghiệp	206018	HK3, năm 2	Tham khảo khác
52	Thông tư 28/2017/TT-BTC ban hành ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/tt-btc ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/tt-btc ngày 13 tháng 10 năm 2016 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Bộ Tài chính	Bộ Tài Chính, 2017, Hà Nội, Việt Nam	0	Kế toán doanh nghiệp	206018	HK3, năm 2	Tham khảo khác
53	Luật Kế toán số 88/2015/QH13	Quốc hội	Quốc hội, 2015, Hà Nội, Việt Nam	0	Mô phỏng Kế toán doanh nghiệp	206001	HK4, năm 2	Tham khảo khác
54	Kế toán tài chính 2	Lê Thị Mỹ Hạnh...và những người khác	Lưu hành nội bộ Đại học Tôn Đức Thắng, 2019, TP.HCM, Việt Nam.	5	Kế toán tài chính và báo cáo tài chính	206002	HK4, năm 2	Tham khảo chính
55	Horngren's Cost accounting: A managerial emphasis - 17th Global Edition	Srikant M. Datar, Madhav V. Rajan	Pearson, 2020, Harlow.	0	Kế toán quản trị	201103	HK5, năm 3	Giáo trình
56	Kế toán quản trị	Huỳnh Lợi và các cộng sự	NXB Tài chính, 2020, Hà Nội, Việt Nam	0	Kế toán quản trị	201103	HK5, năm 3	Tham khảo chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
57	Management Information: Study manual	The Institute of Chartered Accountant in England and Wales	ICAEW, 2024, London, Anh	0	Kế toán quản trị	201103	HK5, năm 3	Tham khảo khác
58	Kế toán tài chính – Financial Accounting	Trần Xuân Nam – Maastricht MBA	NXB Tài Chính, 2015, Hà Nội, Việt Nam	3	Kế toán quốc tế	206019	HK6, năm 3	Tham khảo chính
59	AASB Standards	AASB	AASB, 2021. https://www.aasb.gov.au/Pronouncements/Current-standards.aspx	0	Kế toán quốc tế	206019	HK6, năm 3	Tham khảo khác
60	Kế toán mô phỏng 3: Tài liệu học tập - Tình huống 1	Đại học Tôn Đức Thắng	Lưu hành nội bộ Đại học Tôn Đức Thắng, 2025, TPHCM, Việt Nam.	1	Mô phỏng tổ chức công tác kế toán Company Simulation in Accounting	206020	HK6, năm 3	Giáo trình
61	Kế toán mô phỏng 3: Tài liệu học tập - Tình huống 2	Đại học Tôn Đức Thắng	Lưu hành nội bộ Đại học Tôn Đức Thắng, 2025, TPHCM, Việt Nam.	1	Mô phỏng tổ chức công tác kế toán Company Simulation in Accounting	206020	HK5, năm 3	Giáo trình
62	Đại học Tôn Đức Thắng, Kế toán mô phỏng 3: Tài liệu học tập - Tình huống 3	Đại học Tôn Đức Thắng	Đại học Tôn Đức Thắng, Khoa Kế toán, [2025], Kế toán mô phỏng 3: Tài liệu học tập - Tình huống 3, Lưu hành nội bộ Đại học Tôn Đức Thắng, TPHCM.	1	Mô phỏng tổ chức công tác kế toán Company Simulation in Accounting	206020	HK5, năm 3	Giáo trình
63	Auditing: A risk-based approach to conducting a quality audit	Karla M. Johnstone, Audrey A. Gramling, Larry E. Rittenberg	Cengage Learning, 2023, Boston, Massachusetts, USA.	0	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Giáo trình

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
64	Auditing & Assurance Services in Australia, 8th Edition	Grant Gay, Roger Simnett	McGraw-Hill Australia, 2023, New South Wales.	0	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Tham khảo chính
65	Chương trình kiểm toán mẫu cho kiểm toán báo cáo tài chính	VACPA	VACPA, 2019, Hà Nội, Việt Nam.	0	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Tham khảo chính
66	Kiểm toán	Trần Thị Giang Tân	NXB Lao động, 2023, Hà Nội, Việt Nam.	3	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Tham khảo khác
67	Bài tập kiểm toán	Trần Thị Giang Tân	NXB Tài Chính, 2023, Hà Nội, Việt Nam.	4	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Tham khảo khác
68	Auditing: A Practical Approach with Data Analytics, 2nd Edition	Raymond N. Johnson, Laura D. Wiley, Robyn Moroney, Fiona Campbell, Jane Hamilton	Wiley, 2021	0	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Tham khảo khác
69	Auditing: A Practical Approach, Print and Interactive E-Text, 4th Edition.	Robyn Moroney, Fiona Campbell, Jane Hamilton	McGraw-Hill Education, 2020	0	Kiểm toán căn bản	206003	HK5, năm 3	Tham khảo khác
70	Kiểm toán nội bộ	Khoa Kế toán, Đại học Tôn Đức Thắng,	2014, Tài liệu nội bộ	0	Kiểm toán nội bộ	202003	HK6, năm 3	Giáo trình
71	Internal Auditing: Assurance & Advisory Services, 6th Edition	The Institute of The Internal Auditors	2025	0	Kiểm toán nội bộ	202003	HK6, năm 3	Tham khảo chính
72	Kiểm soát nội bộ	Bộ môn Kiểm toán, Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM	Nhà xuất bản kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2024, Hồ Chí Minh	0	Kiểm toán nội bộ	202003	HK6, năm 3	Tham khảo chính
73	37 Vietnamese auditing standards.	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính, 2014, Hà Nội	0	Phân tích kiểm toán	206007	HK7, năm 4	Tham khảo chính
74	Big Data: Its Power and Perils	ACCA và IMA	2013	0	Phân tích kiểm toán	206007	HK7, năm 4	Tham khảo chính
75	Data Analytics for Internal Audit	KPMG	2013	0	Phân tích kiểm toán	206007	HK7, năm 4	Tham khảo chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
76	Big Data in Accounting: An Overview	Vasarhelyi, M., Kogan, A. & Tuttle, B.	Accounting Horizons, 2015	0	Phân tích kiểm toán	206007	HK7, năm 4	Tham khảo chính
77	How big data will change accounting	Warren, J., Moffitt, K. & Byrnes, P.	Accounting Horizons, 2015	0	Phân tích kiểm toán	206007	HK7, năm 4	Tham khảo chính
78	The Practice of Computing Using Python, 3rd Edition	William, F., Punch	Pearson, 2017	0	Đưa ra quyết định bằng Lập trình & Phân tích	206008	HK6, năm 3	Giáo trình
79	Learning Python, 5th Edition	Mark Lutz	O'Reilly Media, 2013	0	Đưa ra quyết định bằng Lập trình & Phân tích	206008	HK6, năm 3	Giáo trình
80	Artificial Intelligence, Analytics and Data Science, Volume 1: Core Concepts and Models	Chew, C.H.	Cengage, 2020	0	Phân tích I: Kỹ thuật trực quan và dự đoán	206009	HK6, năm 3	Giáo trình
81	Handling Strings with R	Gaston S.,	2018	0	Phân tích I: Kỹ thuật trực quan và dự đoán	206009	HK6, năm 3	Tham khảo chính
82	Text Mining with R	Julia S., David R.,	2018	0	Phân tích I: Kỹ thuật trực quan và dự đoán	206009	HK6, năm 3	Tham khảo khác
83	International Financial reporting & Analysis 2005	D. Alexandrer, A. Brittonn and A. Jorissen	2005, Thomson 2th Edition, London.	0	Hợp nhất báo cáo tài chính	201125	HK7, năm 4	Giáo trình
84	Consolidated Financial Statements, 4th Edition	Eng Juan Ng	McGraw-Hill Education, 2021	0	Hợp nhất báo cáo tài chính	201125	HK7, năm 4	Giáo trình
85	Accounting Standard-setting Organizations and Earnings-relevance: Longitudinal Evidence from NYSE Common Stocks	ELY, K. and G. WAYMIRE	Emory University, 1996	0	Hợp nhất báo cáo tài chính	201125	HK7, năm 4	Giáo trình
86	Kế Toán Hợp Nhất Kinh Doanh và Lập Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất	Nguyễn Trí Tri - Vũ Hữu Đức	NXB Kinh tế TP.HCM, 2014	6	Hợp nhất báo cáo tài chính	201125	HK7, năm 4	Tham khảo chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
87	International Accounting	Frederic D.S. Choi and Gary K. Meek	New Jersey, 2005, USA.	1	Hợp nhất báo cáo tài chính	201125	HK7, năm 4	Tham khảo chính
88	Artificial Intelligence, Analytics and Data Science, Volume 1: Core Concepts and Models	Chew, C.H.	Cengage, 2021	0	Phân tích II: Kỹ thuật trực quan và dự đoán	206010	HK7, năm 4	Giáo trình
89	Artificial Intelligence, Analytics and Data Science, Volume 1: Core Concepts and Models	Chew, C.H.	Cengage, 2020	0	Phân tích II: Kỹ thuật trực quan và dự đoán	206010	HK7, năm 4	Tham khảo chính
90	Artificial Intelligence with Python	Teik Toe, T.	2022	0	AI trong Kế toán và Tài chính	206011	HK7, năm 4	Giáo trình
91	AI in Business Management 1st Edition	Teik Toe, T.	Springer, 2023	0	AI trong Kế toán và Tài chính	206011	HK7, năm 4	Giáo trình
92	Business Analysis and Valuation Using Financial Statements: Text and Cases, Asia Pacific Edition, 2nd Edition	Palepu, K. G., P. M. Healy, S. Wright, M. Bradbury, P. Lee	Cengage Learning, South Melbourne, Vic., 2015	5	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	201122	HK7, năm 4	Giáo trình
93	Legal Regulation of Corporate Social Responsibility-A Meta-Regulation Approach of Law for Raising CSR in a Weak Economy	Mia Mahmudur Rahim,	Springer, Berlin, 2013	0	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	201122	HK7, năm 4	Tham khảo chính
94	Human rights in the new global economy – Corporate social responsibility?	Charlotte Walker – Said and John D. Kell	The University of Chicago Press ,2015, London	0	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	201122	HK7, năm 4	Tham khảo chính
95	The role of the global reporting initiative's sustainability reporting guidelines in the social screening of investments	Willis, A.,	Journal of Business Ethics, 2003	0	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	201122	HK7, năm 4	Tham khảo chính
96	Business Ethics, Ethical Decision Making and Cases	Ferrell, O.C., Fraedrich, John, and Ferrell, Linda	Prentice Hall, 2010	0	Đạo đức trong kinh doanh	700032	HK5, năm 3	Giáo trình

97	Business ethics	Wicks, Freeman, Werhane and Martin	Prentice Hall, 2010	1	Đạo đức trong kinh doanh	700032	HK5, năm 3	Tham khảo chính
98	Financial statement analysis	Subramanyam and John J. Wild	McGraw-Hill, 2011	0	Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp	206012	HK5, năm 3	Giáo trình
99	Financial Statement Analysis: A Practitioner's Guide.	Martin S. Fridson, Fernando Alvarez	Wiley, 2011	0	Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp	206012	HK5, năm 3	Tham khảo chính
100	Phân tích báo cáo tài chính hướng dẫn thực hành	Martin S. Fridson, Fernando Alvarez	NXB kinh tế TP.HCM, 2013	2	Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp	206012	HK5, năm 3	Tham khảo khác
101	Phân tích báo cáo tài chính	Phan Đức Dũng	NXB lao động – xã hội, 2013	5	Phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp	206012	HK5, năm 3	Tham khảo khác
102	Practitioner's complete guide to M&A: an all-inclusive reference	David T. Emott, complete guide to M&A: an all-inclusive reference	John Wiley & Sons, 2011, USA	3	Sáp nhập và hợp nhất Doanh nghiệp	206021	HK5, năm 3	Giáo trình
103	The art of capital restructuring: creating shareholder value through mergers and acquisitions	Kent Baker, Halil Kiymaz	New Jersey: John Wiley & Sons, 2011	1	Sáp nhập và hợp nhất Doanh nghiệp	206021	HK5, năm 3	Tham khảo chính
104	Cẩm nang hướng dẫn M&A - mua lại và sáp nhập.	Timothy J. Galphin, Mark Herndon	2010	5	Sáp nhập và hợp nhất Doanh nghiệp	206021	HK5, năm 3	Tham khảo khác

3.3 Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Kiểm toán

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Phòng mô phỏng								250 m2
1	Máy tính	2019	50	Khoa kế toán	Học kỳ 1 năm 2 đến học kỳ 2 năm 4	Toàn khóa	50	
2	Phần mềm Misa	2023	1	Khoa kế toán	Học kỳ 1 năm 2 đến học kỳ 2 năm 4	Toàn khóa	50	
3	Phần mềm FAST	2023	1	Khoa kế toán	Học kỳ 1 năm 2 đến học kỳ 2 năm 4	Toàn khóa	50	
4	Máy chiếu	2019	1	Khoa kế toán	Học kỳ 1 năm 2 đến học kỳ 2 năm 4	Toàn khóa		
6	Ti vi	2019, 2024	3	Khoa kế toán	Học kỳ 1 năm 2 đến học kỳ 2 năm 4	Toàn khóa		

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai
(theo từng mẫu trên)

Phòng Tổ chức hành chính (Bảng 1.1):

Nguyễn Thị Thu Hiền

Khoa Kế toán (Bảng 1.2, 1.3):

Lê Thị Mỹ Hạnh

Phòng Quản lý phát triển KHCN (Bảng 2.1, 2.2):

Lê Đức Hiền

Thư viện (Bảng 3.2):

Trần Phi Cường

Phòng Quản trị thiết bị (Bảng 3.1):

Nguyễn Văn Hùng

Phòng Điện toán - Máy tính (Bảng 3.3):

Lê Văn



Hiệu trưởng *TS. Trần Trọng Đạo*

TS. Trần Trọng Đạo